

Công Ty
CP sản
xuất và
công
nghệ
nhựa Pha
Lê

Digitally signed by Công Ty CP
sản xuất và công nghệ nhựa
Pha Lê
DN: C=VN, S=MST:
0103018538, L="Lô đất CN 4.3
Khu Công Nghiệp MP Đình Vũ,
Khu kinh tế Đình Vũ- Cát Hải,
Phường Đông Hải 2, Quận Hải
An, TP. Hải Phòng, Việt Nam",
O="Công Ty CP sản xuất và
công nghệ nhựa Pha Lê, OU=""
Có BH,HQDT", CN=Công Ty
CP sản xuất và công nghệ
nhựa Pha Lê,
E=tuanda@phaleminerals.com.
vn
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2018-04-17 18:31:38
Foxit Reader Version: 9.0.1

CaCO₃ Filler Masterbatch

*Báo cáo
thường niên*
2017



PHALE

Plastics JSC



MỤC LỤC

A. TỔNG QUAN

06

1. Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị
2. Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi
3. Sự kiện nổi bật trong năm 2017
4. Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

B. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

18

1. Đôi nét về doanh nghiệp
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật
4. Phân tích S.W.O.T và các rủi ro trọng yếu
5. Mô hình kinh doanh và nội lực
6. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu
7. Chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm

C. HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

62

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
2. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

D. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

84

1. Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
2. Giới thiệu ban lãnh đạo
3. Hoạt động của đại Hội đồng cổ đông
4. Hoạt động của Hội đồng quản trị
5. Hoạt động của Ban kiểm soát
6. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS
7. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

E. PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

114

1. Định hướng phát triển bền vững của PLP
2. Các số liệu liên quan đến định hướng phát triển bền vững của PLP

F. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

124

1. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
2. Báo cáo kiểm toán độc lập
3. Bảng cân đối kế toán
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ



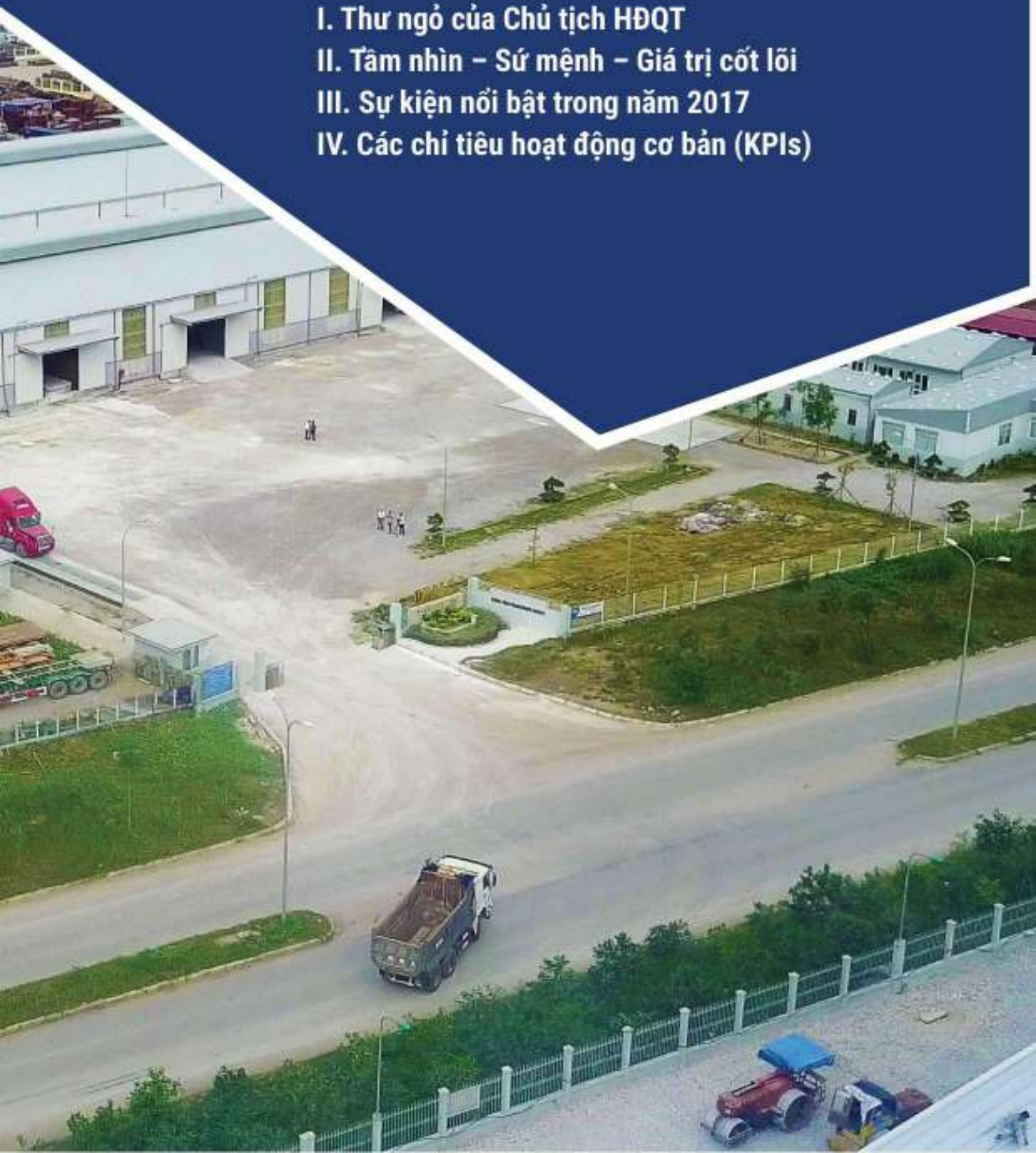
Mở đầu

I. Thư ngỏ của Chủ tịch HĐQT

II. Tâm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi

III. Sự kiện nổi bật trong năm 2017

IV. Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)



Thư ngỏ của Chủ tịch Hội đồng quản trị

Kính gửi toàn bộ cổ đông, khách hàng, đối tác và các cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê,

Thay mặt ban lãnh đạo công ty, tôi xin được gửi lời chúc tốt đẹp nhất đến quý vị - những người đã dành nhiều tình cảm và tâm huyết với công ty trong suốt thời gian vừa qua.

Theo đánh giá của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia, 2017 là năm đánh dấu sự khôi phục mạnh mẽ của nền kinh tế toàn cầu, với mức tăng trưởng kinh tế ước đạt 3,6%, tăng 0,5% so với năm 2016 nhờ sự phát triển của đầu tư, thương mại và sản xuất công nghiệp. Cho đến thời điểm này, châu Á - Thái Bình Dương vẫn luôn được coi là điểm sáng trong suốt một thập niên tăng trưởng kể từ sau cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008 nhờ tinh thần hội nhập, nỗ lực thúc đẩy liên kết kinh tế và tự do hóa thương mại. Hòa trong xu thế phát triển chung, kinh tế Việt Nam đã có những bước tiến đáng kể với mức tăng trưởng kinh tế ước đạt 6,7%, cao hơn 0,5% so với năm trước nhờ tổng cung được cải thiện, tổng cầu tăng mạnh nhờ gia tăng tiêu dùng, đầu tư và đặc biệt là xuất khẩu. Số liệu gần đây từ Tổng cục Thống kê cho thấy thặng dư thương mại chủ yếu tập trung vào khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài với giá trị xuất siêu lên đến 26,2 tỷ USD, trong khi khối doanh nghiệp trong nước rơi vào tình trạng nhập siêu với mức thâm hụt 23,4 tỷ USD trong suốt 11 tháng đầu năm 2017. Mỗi năm, giá trị xuất khẩu của ngành nhựa Việt Nam đạt khoảng 2 tỷ USD, chiếm phần lớn trong đó là nhóm nhựa bao bì có giá trị gia tăng thấp; trong khi có trên 60% giá trị nhựa xuất khẩu đến từ các doanh nghiệp FDI có hệ thống trang thiết bị hiện đại, đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế. Thực trạng này đặt ra dấu hỏi lớn cho các doanh nghiệp sản xuất nhựa nội địa về yêu cầu phải cải tiến, đổi mới công nghệ và có những sáng kiến mới mẻ để có thể cạnh tranh ở cả thị trường trong nước và quốc tế.

Nhựa Pha Lê tự hào là đơn vị sản xuất và xuất khẩu nguyên liệu phụ gia ngành nhựa, bột đá và đá CaCO₃ tiên phong tại Việt Nam, tạo ra luồng gió mới ở mảng sản phẩm nhựa tại nước ta dựa trên lợi thế sở hữu nhiều mỏ đá trắng CaCO₃ với trữ lượng dồi dào. Mới được thành lập từ tháng 10 năm 2008, trải qua khoảng thời gian gần mười năm xây dựng và nỗ lực vươn lên, công ty đã từng bước khẳng định được vị thế của mình tại thị trường ngành nhựa trong nước và quốc tế. Bằng khả năng cung cấp bột đá, bột đá siêu mịn CaCO₃, chất phụ gia ngành nhựa Filler Materbatch với quy mô lớn, quy trình sản xuất khép kín được kiểm soát nghiêm ngặt, chất lượng các sản phẩm của Pha Lê luôn đem lại niềm tin tuyệt đối cho cả khách hàng trong và ngoài nước. Từ những bước đi ban đầu tại thị trường nội địa, công ty đã dần mở rộng thị phần sang Trung Quốc, các quốc gia trong khu vực Châu Á và Nam Phi. Hiện nay, công ty đang hướng tới đối tượng khách hàng tại các thị trường lớn nổi tiếng có yêu cầu khắt khe như Nga, Trung Đông, Châu Âu và Bắc Phi. Tuy đã không ít lần gặp phải khó khăn trong quá trình sản xuất kinh doanh cùng áp lực đổi mới công nghệ và yêu cầu ngày càng cao từ phía người tiêu dùng, ban lãnh đạo cùng các cán bộ công nhân viên Pha Lê đã điều hành chính sách sát với diễn biến thị trường, từng bước giúp doanh nghiệp khắc phục khó khăn, khẳng định vị thế. Nỗ lực đã được đền đáp xứng đáng khi doanh thu thuần về bán hàng của công ty năm 2017 cho kết quả tăng trưởng khả quan với tốc độ 244% so với năm 2016. Bất chấp sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ cùng ngành ở cả thị trường trong nước và quốc tế cùng với dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế, 2018 chắc chắn vẫn sẽ là một năm thành công rực rỡ của Nhựa Pha Lê dựa vào thế mạnh nguồn nguyên liệu dồi dào, tâm huyết được gửi gắm trong từng sản phẩm và tinh thần sáng tạo không ngừng nghỉ đã trở thành sợi dây xuyên suốt trong quá trình phát triển tại công ty.

Trong vòng xoay của chu trình kinh tế khó ước đoán, ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê vẫn luôn quyết tâm đặt mục tiêu tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước thông qua việc nâng cao chất lượng sản phẩm, tiếp thu công nghệ cao, xây dựng hệ thống phân phối hiệu quả nhằm giữ vững thị phần trong nước và khẳng định thương hiệu đạt đẳng cấp quốc tế. Đích đến mà công ty hướng tới trong giai đoạn này hoàn toàn có thể đạt được nếu có sự góp sức của đội ngũ lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, lòng tin của các quý cổ đông, quý khách hàng và đối tác trân quý. Với kỳ vọng đưa Nhựa Pha Lê trở thành thương hiệu tiêu biểu toàn ngành trong tương lai không xa, ban lãnh đạo cam kết luôn nỗ lực hết mình để giúp công ty bứt phá trong giai đoạn đầy biến động của nền kinh tế như thời điểm hiện nay.

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê xin gửi lời cảm ơn chân thành tới tất cả quý vị - những người đã theo dõi và đồng hành cùng Công ty trong suốt tiến trình gây dựng và trưởng thành. Cùng nhau, chúng ta hãy tạo nên một tập thể đoàn kết, lớn mạnh, cầu tiến và luôn hướng tới mục tiêu phát triển bền vững.

Trân trọng cảm ơn tất cả quý vị,

Hải Phòng, ngày tháng năm 2018
Thay mặt Ban lãnh đạo Công ty
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Mai Thanh Phương



II. Tầm nhìn - Sứ mệnh

TẦM NHÌN

Hướng tới mục tiêu trở thành công ty khai thác, sản xuất và xuất khẩu hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, lọt vào top 10 doanh nghiệp sản xuất hạt nhựa lớn nhất toàn cầu.

SỨ MỆNH

Mang lại những sản phẩm chất lượng cao bằng việc ứng dụng các công nghệ tiên tiến và hiện đại đồng thời tạo thêm việc làm cho người lao động, tạo nguồn nhân lực có ích cho đất nước.

Giá trị cốt lõi

CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Là một trong những doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam có mô hình kinh doanh toàn diện khép kín quy trình sản xuất từ khai thác mỏ đến tạo ra sản phẩm hoàn thiện, Nhựa Pha Lê (PLP) được xây dựng với tầm nhìn trở thành một trong những đơn vị sản xuất và xuất khẩu lớn nhất Việt Nam và khu vực Đông Nam Á. Với nguồn nguyên liệu thô sẵn có, công ty tập trung khai thác sản xuất bột canxi cacbonat (CaCO_3) siêu mịn và sản xuất hạt nhựa CaCO_3 Filler Masterbatch, bao bì... với công suất 150.000 tấn bột siêu mịn CaCO_3 hàng năm và 96.000 tấn/năm hạt nhựa CaCO_3 Filler Masterbatch. Filler Masterbatch là hạt phụ gia ngành nhựa, hợp chất phụ gốc CaCO_3 được ứng dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp nhựa để thay đổi đặc tính cơ lý và độ cứng của sản phẩm. Việc phối trộn ở nhiệt độ cao trên dây truyền công nghệ hiện đại giữa polyolefin với Calcium Carbonate siêu mịn cho ra các hạt phụ gia ngành nhựa có rất nhiều ứng dụng trong ngành công nghiệp nhựa, làm giảm giá thành sản phẩm và gia tăng giá trị tài nguyên đá CaCO_3 .

ĐẦU TƯ CÔNG NGHỆ CAO

Tháng 09/2014, Nhựa Pha Lê (PLP) chính thức đưa nhà máy sản xuất đá CaCO_3 tại Quý Hợp (Nghệ An) đi vào hoạt động với sản lượng gần 200.000 tấn/năm. Tháng 12/2014 Nhựa Pha Lê (PLP) được Ban quản lý KTT Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh dự án "Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" tại Khu công nghiệp Minh Phương Đình Vũ với quy mô sản xuất bột đá siêu mịn công suất 108.000 tấn/năm và 96.000 tấn phụ gia ngành nhựa/năm. Bên cạnh đó, PLP còn nhập khẩu máy đùn hạt nhựa công nghệ Đức nhằm nâng cao hiệu quả trong sản xuất và chất lượng sản phẩm tiết kiệm đáng kể năng lượng, thời gian vận hành máy móc.

Giá trị cốt lõi

NHÂN SỰ TỔ CHỨC HIỆU QUẢ

Do đặc thù của ngành công nghiệp sản xuất, cung ứng phụ trợ nhựa, Nhựa Pha Lê có cơ cấu nhân sự linh hoạt. Tại các mỏ khai thác chủ yếu sử dụng nguồn lao động địa phương nhằm tiết kiệm chi phí di chuyển cho các nhân sự tại khu vực nhà máy. Tại nhà máy sản xuất và hệ thống văn phòng, các chi nhánh, ban lãnh đạo PLP đặc biệt chú trọng đến việc phát triển bộ máy nhân sự kinh doanh và xuất nhập khẩu, 100% nhân sự tốt nghiệp các chuyên ngành kinh tế tại nước ngoài.

Với đội ngũ nhân sự giàu kinh nghiệm trong kinh doanh nội địa và thương mại quốc tế, quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt tạo ra sản phẩm có nhiều ưu thế cạnh tranh và việc niêm yết thành công trên sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh trong năm 2017, công ty đang cho thấy nỗ lực mạnh mẽ của mình để chứng minh vị thế là công ty khai thác, sản xuất và xuất khẩu hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á trong ngành hàng đặc thù này.

LỢI THẾ LOGISTIC

Thông qua việc đặt các nhà máy sản xuất nguyên liệu thô ngay xung quanh vị trí các mỏ và xây dựng nhà máy chế biến thành phẩm tại Hải Phòng, PLP đã có bước đi nhanh nhạy để chủ động trong quá trình vận chuyển nguyên liệu về nhà máy chế biến và vận chuyển sản phẩm đến thị trường tiêu thụ. Cụ thể nguyên liệu thô tại mỏ Thung Hung sẽ được vận chuyển bằng đường thủy về Hải Phòng; sau đó thành phẩm sẽ được vận chuyển theo đường thủy từ cảng Hải Phòng hoặc theo cao tốc Hải Phòng – Hà Nội tỏa đi khắp các thị trường trong nước và quốc tế. Với lợi thế về vị trí, công ty đã tiết kiệm được tối đa chi phí sản xuất và thời gian vận chuyển hàng hóa, vừa giữ vững chất lượng sản phẩm vừa đảm bảo thời gian giao hàng đến các thị trường.

III. Sự kiện nổi bật trong năm 2017

01

05/2017

Công ty đổi tên từ Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê thành Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê
Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng

02

16 - 19/05/2017

Tiếp nối thành công sau kỳ tham dự hội chợ quốc tế K-Fair 2016, Nhựa Pha Lê (PLP) đã tham gia triển lãm ngành nhựa và cao su Quốc tế lần thứ 31 – Chinaplas 2017 tại Trung tâm Triển lãm Quốc tế Pazhou, Quảng Châu

03

21/08/2017

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê chính thức niêm yết 15.000.000 cổ phiếu trên Sàn giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PLP.

04

8/2017

Ký hợp đồng tài trợ đoàn thể thao Việt Nam tham dự Seagame 29 tổ chức tại Malaysia diễn ra từ ngày 19-31/08/2017.

05

01/09/2017

PYN Elite Fund – một trong những quỹ ngoại lớn nhất đang đầu tư tại Việt Nam - đã mua 1.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê (PLP), đến thời điểm hiện tại là 1.796.400 cổ phiếu tương đương 11.976%.

III. Sự kiện nổi bật trong năm 2017

06

21-22/10/2017

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tổ chức ngày hội Cán bộ Công nhân viên Nhựa Pha Lê tại Nhà máy Hải Phòng với chủ đề "Chung một ý chí - vững một niềm tin".

07

18/11/2017

Công ty tổ chức sự kiện sinh nhật công ty tròn 09 năm hình thành và phát triển



III. Sự kiện nổi bật trong năm 2017



III. Sự kiện nổi bật trong năm 2017

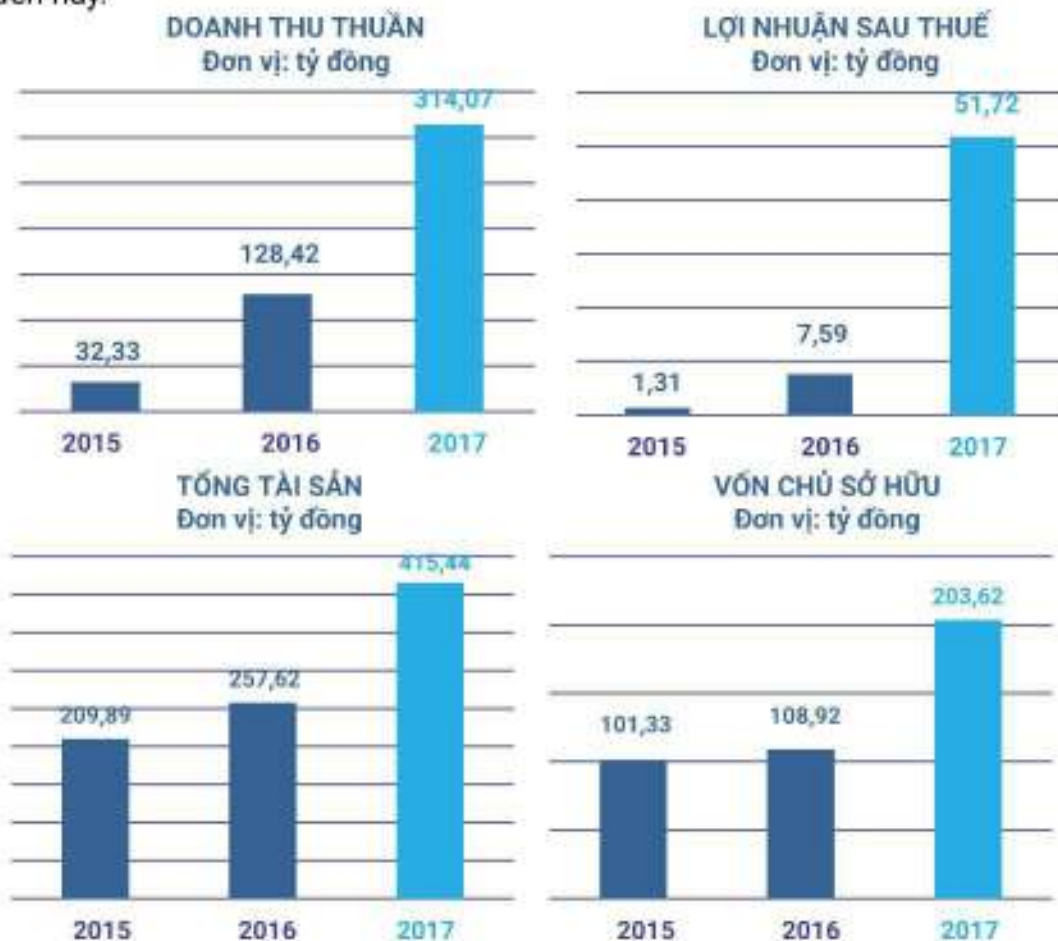


IV. Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)

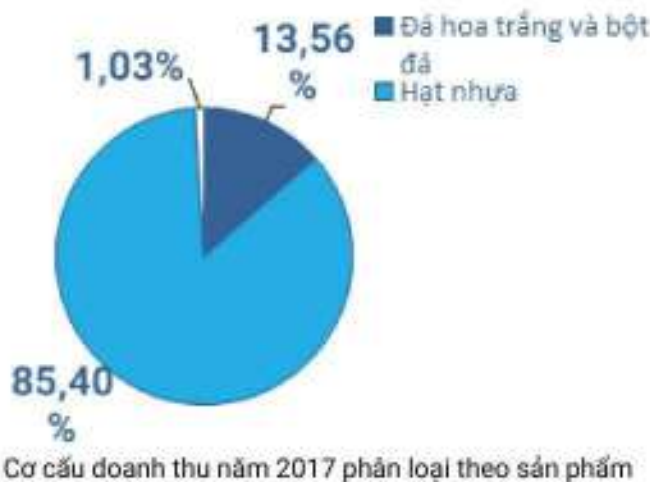
Chỉ tiêu	Đơn vị	2015	2016	2017
Doanh thu thuần	tỷ VND	32,33	128,42	314,07
Lợi nhuận sau thuế	tỷ VND	1,31	7,59	51,72
Tổng tài sản	tỷ VND	209,89	257,62	415,44
Vốn chủ sở hữu	tỷ VND	101,33	108,92	203,62
EPS cơ bản	VND	-	-	3,45
ROE	%	1,30	7,22	33,10

Do tháng 8/2017 cổ phiếu PLP mới chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) nên bắt đầu từ năm 2017 mới có thống kê về khối lượng cổ phiếu PLP để tính chỉ số thu nhập trên mỗi cổ phiếu đang lưu hành của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê.

Do vậy chỉ tiêu này trong năm 2017 chỉ mang tính tham khảo, chưa có ý nghĩa so sánh để thấy được sự tăng trưởng của doanh nghiệp so với các năm liền trước. Về bản chất, EPS cơ bản càng cao cho thấy tình trạng kinh doanh của công ty càng mạnh, khả năng trả cổ tức cao và giá cổ phiếu cũng đi theo chiều hướng tăng. Với chỉ số EPS cơ bản 3,45 VNĐ, cổ phiếu PLP chưa được đánh giá quá cao nhưng có thể nhận thấy tiềm năng của PLP nếu theo dõi lịch sử phát triển của công ty từ trước đến nay.

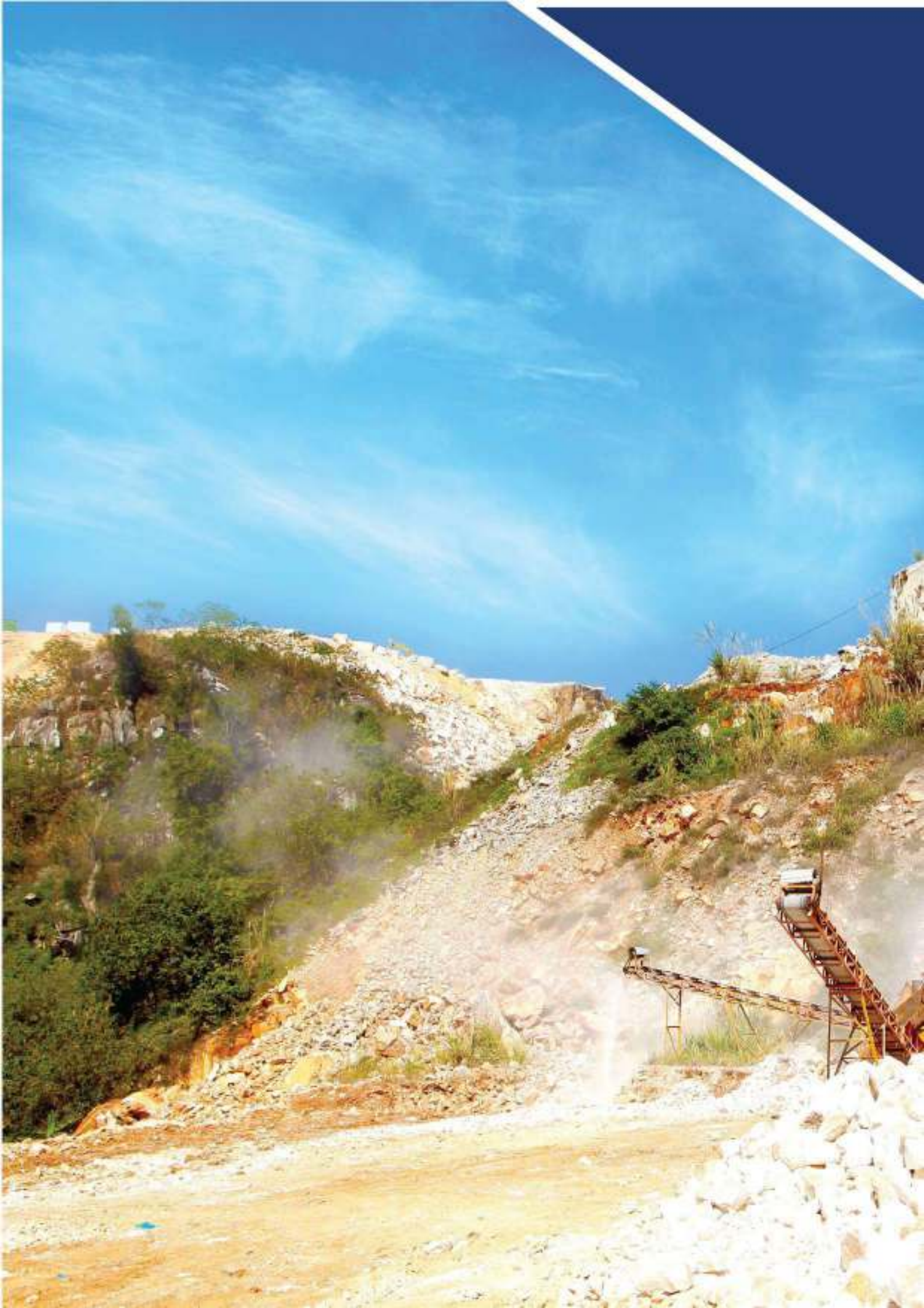


IV. Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản (KPIs)



Biểu đồ trên cho thấy doanh thu từ sản phẩm hạt nhựa chiếm phần lớn trong tổng cơ cấu doanh thu của công ty trong năm 2017. Cụ thể doanh thu từ hạt nhựa năm 2017 là 268,22 tỷ đồng, chiếm 85,40% tổng doanh thu; trong khi đá hoa trắng và bột đá đem lại mức doanh thu thấp hơn với giá trị 42,60 tỷ đồng, góp phần làm nên 13,56% doanh thu toàn công ty. Số liệu này cho thấy tầm quan trọng của sản phẩm hạt nhựa phụ gia CaCO₃ trong kết quả sản xuất kinh doanh của Nhựa Pha Lê.

Mang tính ứng dụng cao, hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch rất linh hoạt trong việc sử dụng sản xuất các sản phẩm nhựa thông dụng như: ống nhựa, tấm trần, phụ kiện nhựa, dây cáp điện, màng, sợi,... Xét đến mức độ cần thiết và sự phổ biến rộng rãi của các dòng sản phẩm nhựa nói trên trong đời sống hằng ngày, không khó để lý giải nguyên nhân tại sao hạt nhựa lại được sử dụng nhiều đến vậy trong ngành công nghiệp sản xuất đồ gia dụng, đây cũng chính là nguyên nhân quan trọng góp phần làm nên doanh thu đầu vào lớn cho dòng sản phẩm này của công ty. Hạt nhựa CaCO₃ Filler Masterbatch ngày càng được ứng dụng rộng rãi trong các sản phẩm của ngành nhựa với mục đích giảm giá thành sản xuất, giảm chi phí chất tạo màu trắng, tăng độ chịu nhiệt, độ bền cho sản phẩm, ổn định về định hình, tăng khả năng in ấn lên sản phẩm. Ngoài việc sở hữu các mỏ đá và nhà máy, Nhựa Pha Lê là một trong số ít công ty tại Việt Nam có thể thực hiện và kiểm soát toàn bộ quy trình khép kín từ khai thác, chế biến, sản xuất và cung cấp cho người dùng cuối nên hạt nhựa được cung cấp bởi công ty luôn đảm bảo chất lượng tốt với mức giá hợp lý nhất. Hiện nay, Công ty đang chú trọng hơn nữa trong chiến lược thúc đẩy nhu cầu về sản phẩm hạt nhựa tại thị trường trong nước cũng như xuất khẩu ra thị trường quốc tế. Dựa trên đặc tính sản phẩm là lợi thế sẵn có của doanh nghiệp, có thể khẳng định sản phẩm Filler Masterbatch hứa hẹn sẽ đem đến nhiều giá trị lớn lao hơn nữa cho cả Nhựa Pha Lê và người tiêu dùng, xứng đáng là sản phẩm tiên phong làm nên thương hiệu Pha Lê Plastics.



Chiến lược phát triển

- I. Đôi nét về doanh nghiệp
- II. Quá trình hình thành và phát triển
- III. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật
- IV. Phân tích S.W.O.T. và các rủi ro trọng yếu
- V. Mô hình kinh doanh và nội lực
- VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu



1.Đôi nét về doanh nghiệp

Tên Công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ
Tên viết tắt	PHA LE PLASTIC JSC
Tên tiếng Anh	PHA LE PLASTICS MANUFACTURING AND TECHNOLOGY Joint Stock Company
Biểu tượng của Công ty	
Trụ sở	Lô đất CN4.3 Khu công nghiệp MP Đình Vũ, Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Điện thoại	(024) 3555 1669
Fax	(024) 3555 1671
Email	info@phaleminerals.com.vn
Website	http://phaleplastics.com.vn
Mã cổ phiếu	PLP
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hải Phòng cấp thay đổi lần thứ 13 ngày 05/05/2017
Vốn điều lệ	150.000.000.000 VNĐ (Một trăm năm mươi tỷ VNĐ)
Số lượng cổ phiếu lưu hành	15.000.000 cổ phiếu (Mười lăm triệu cổ phiếu)
Người đại diện	Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch Hội đồng quản trị

1.Đôi nét về doanh nghiệp

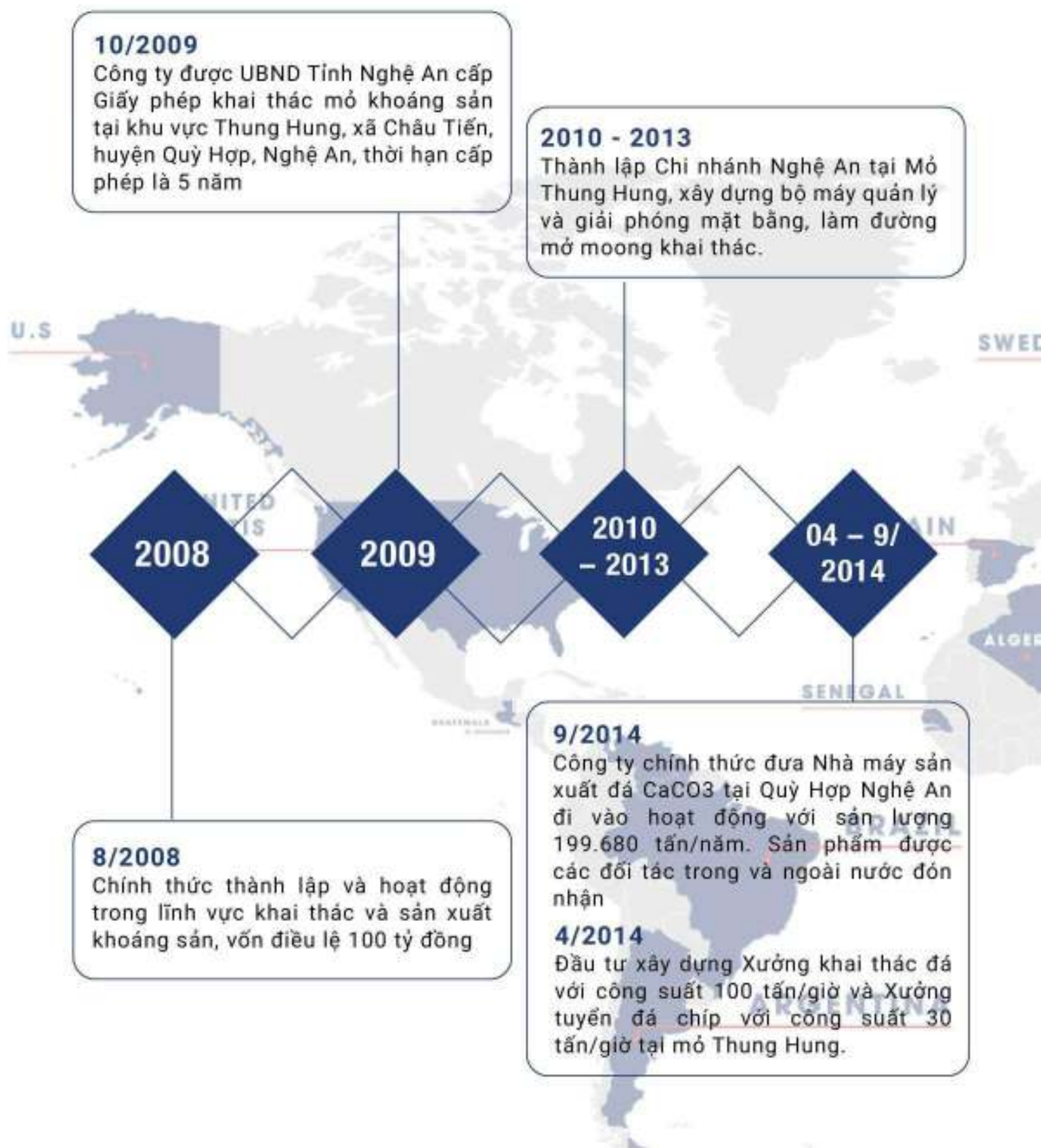
Công ty Cổ phần Sản xuất & Công nghệ Nhựa Pha Lê (tiền thân là Công ty Cổ phần Khoáng Sản Pha Lê) được thành lập vào năm 2008. Khởi đầu từ một nhà máy khai khoáng nhỏ, công ty đã phát triển thành một doanh nghiệp có tiếng với đầy đủ chức năng đặt trụ sở tại Hà Nội và có hai chi nhánh chiến lược tại thành phố cảng Hải Phòng và Nghệ An.

Hiện tại, Nhựa Pha Lê đang sở hữu năm mỏ khoáng sản, trong đó có hai mỏ đá granite tại Ninh Thuận, ba mỏ đá cẩm thạch trắng tại Nghệ An và đặc biệt là mỏ đá CaCO₃ tại núi Thung Hung, Quỳnh Hợp có diện tích trên 10ha. Mỏ đá này được đánh giá là một trong những nguồn đá cẩm thạch có chất lượng tốt nhất trên thế giới xét về độ sáng và độ trắng với trữ lượng dồi dào lên tới 5.000.000m³.

Trong tám năm qua, với nguồn nguyên liệu thô sẵn có, Nhựa Pha Lê đã tập trung đầu tư các phương pháp khai thác tiên tiến - đặc biệt là công nghệ xử lý để có thể chủ động quản lý chất lượng sản phẩm một cách tốt nhất nhằm đáp ứng thị trường nội địa cũng như quốc tế với sản lượng từ 300.000 đến 500.000 tấn/năm. Năm bắt được thông tin về các chính sách ưu đãi của Nhà nước, ban lãnh đạo Nhựa Pha Lê đã chỉ đạo xây dựng nhà máy và các cơ sở sản xuất của công ty tại vị trí chiến lược - Khu công nghiệp cảng Đình Vũ, Hải Phòng, nơi mà công ty đã được cấp giấy phép xây dựng cho nhà máy chuyên sản xuất bột siêu mịn CaCO₃ và các sản phẩm khác như chất độn Taical và bao bì, vv. Sản lượng bột siêu mịn CaCO₃ hàng năm đạt mức 150.000 đến 200.000 tấn.

Lợi thế cạnh tranh lớn nhất của Nhựa Pha Lê chính là vị trí của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa từ nhà máy tới cảng, giúp giảm tối đa chi phí và thời gian. Các công ty khác trong cùng lĩnh vực sản xuất thông thường sẽ bị ảnh hưởng bởi các quy định liên quan đến kiểm soát tải trọng xe và khoáng cách địa lý, điều đó sẽ ảnh hưởng đến giá cả sản phẩm. Nhờ việc duy trì được một đội ngũ nhân viên xuất sắc và mô hình logistics tối ưu nhất, Nhựa Pha Lê đã thành công trong việc giữ giá cả cạnh tranh nhưng vẫn sản xuất được các sản phẩm chất lượng cao với thời gian giao hàng chuẩn xác tới khách hàng.

II. Quá trình hình thành và phát triển



II. Quá trình hình thành và phát triển

12/2014

Công ty được Ban quản lý KTT Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh Dự án "Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa" tại Khu công nghiệp Minh Phương Đình Vũ – Hải Phòng với quy mô sản xuất bột đá siêu mịn công suất 108.000 tấn/năm và 96.000 tấn phụ gia ngành nhựa/năm

**10/
2014**

10/2014
Công ty được Ban quản lý KTT Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận đầu tư dự án "Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn" tại Khu công nghiệp Minh Phương Đình Vũ – Hải Phòng với diện tích 20.000 m² đất, công suất 108.000 tấn/năm.

**12/
2014**

9/2015 AUSTRALIA

Hoàn thành việc xây dựng Nhà máy giai đoạn 1 đưa 04 dây chuyền sản xuất bột đá siêu mịn CaCO₃ đi vào hoạt động.
Gia hạn giấy phép khai thác tại mỏ đá Thung Hưng, Quý Hợp, Nghệ An với thời hạn khai thác là 22 năm (tính từ tháng 10/2015).

**09/
2015**

21/08/2017

Chính thức niêm yết 15.000.000 cổ phiếu trên sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PLP.

5/2017

Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng với mục đích tăng vốn lưu động và mua tài sản cố định.

2016

2016

Hoàn thành lắp đặt và đi vào vận hành 04 dây chuyền sản xuất hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch đi vào hoạt động.

2017

III. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật

1. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Thăm dò, khai thác, chế biến và mua bán khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
- Sản xuất sản phẩm từ plastic
- Sản xuất sợi nhân tạo
- Sản xuất sản phẩm khác từ cao su
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
- Cát tạo dáng và hoàn thiện đá
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách bằng đường thuỷ, đường bộ bằng xe ô tô;
- Mua bán, cho thuê máy móc, thiết bị ngành khai khoáng, xây dựng, giao thông;
- San lấp, dọn dẹp tạo mặt bằng xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thuỷ lợi, hạ tầng cơ sở;



III. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật

2. CÁC SẢN PHẨM NỔI BẬT:

Sản phẩm đá CaCO₃



Đá hạng A, kích cỡ 3-6 cm

Đặc điểm sản phẩm:

Thành phần hóa học		Đặc điểm vật lý	
CaCO ₃ content	≥ 98%	Brightness	≥ 97%
MgO content	≤ 0,10%	Whiteness	≥ 98%
Fe ₂ O ₃ content	≤ 0,01%	Moisture	≤ 0,2%
Al ₂ O ₃ content	≤ 0,02%	Density	2.7g/cm ³
SiO ₂ content	≤ 0,19%	Oil Absorption/ml/100gm	24
Na ₂ O content	≤ 0,01%	Content loss on ignition	43.58%

III. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật

Sản phẩm bột đá



Thông tin sản phẩm:

STT	Mã SP	Kích cỡ	
1	PLM10	D97= 10 μ m \pm 1 μ m	D50 = 3.4 μ m \pm 0.4 μ m
2	PLM15	D97= 15 μ m \pm 1 μ m	D50 = 4.5 μ m \pm 0.5 μ m
3	PLM20	D97= 20 μ m \pm 2 μ m	D50 = 5.6 μ m \pm 0.6 μ m
4	PLM25	D97= 25 μ m \pm 2 μ m	D50 = 6.7 μ m \pm 0.7 μ m
5	PLM30	D97= 30 μ m \pm 2 μ m	D50 = 7.8 μ m \pm 0.8 μ m
6	PLM35	D97= 35 μ m \pm 2 μ m	D50 = 8.9 μ m \pm 0.9 μ m

Đặc điểm sản phẩm:

Thành phần hóa học		Đặc điểm vật lý	
CaCO ₃	$\geq 98\%$	Độ sáng	$\geq 97\%$
MgO	$\leq 0,20\%$	Độ trắng	$\geq 98\%$
Fe ₂ O ₃	$\leq 0,01\%$	Độ ẩm	$\leq 0,2\%$
Al ₂ O ₃	$\leq 0,02\%$	Khối lượng giảm khi làm nóng	43,19%
SiO ₂	$\leq 0,19\%$	Hấp thụ dầu	25/100g CaCO ₃
Na ₂ O	$\leq 0,01\%$	PH	8-9

III. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật

Bột đá cho thức ăn chăn nuôi

Đặc điểm sản phẩm:

Thành phần hóa học		Đặc điểm vật lý	
Calcium carbonate (CaCO ₃)	≥ 96%	Độ sáng	80%
Calcium Oxide (CaO)	≥ 54%	Độ trắng	92%
Calcium (Ca)	≥ 38%	Độ ẩm	2%
Iron Oxide (Fe ₂ O ₃)	< 0.01%	Kích cỡ	2-3 mm
Aluminum Oxide (Al ₂ O ₃)	< 0.04%		3-4 mm
Magnesium Carbonate (MgCO ₃)	< 0.25%		Powder
Silicon Oxide (SiO ₂)	<0.06 %		
Sodium Oxide (Na ₂ O)	< 0.02%		
Potassium Oxide (K ₂ O)	< 0.05%		
Titanium Dioxide (TiO ₂)	-		
Copper Oxide (CuO)	-		
Lead Oxide (PbO)	-		



III. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật

Hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch

Hạt nhựa phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch là hợp chất phụ gốc Calcium carbonate (CaCO₃) được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp nhựa để thay đổi thuộc tính khác nhau của nhựa nền hoặc nhựa polyme. Đây là công thức đặc biệt bằng cách pha trộn kép polyolefin với Calcium Carbonate siêu mịn trong quá trình ép nhựa, mục đích để giảm giá thành sản phẩm cho khách hàng. Hạt phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch được sản xuất từ sản phẩm bột đá Cacbonat canxi - CaCO₃ với tỷ lệ từ 70% đến 85% có tráng phủ axit béo trên nền nhựa Polyolefin. Hạt phụ gia CaCO₃ Filler Masterbatch thành phẩm được sử dụng làm chất độn cho sản xuất bao bì PP, PE, ép đùn, ép phun, cán màng,... cho các sản phẩm nhựa công nghiệp và gia dụng.



III. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật

Ứng dụng sản phẩm cho các ngành công nghiệp:

- Sản xuất tấm trần – khung – cửa nhựa:

Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch được sử dụng rộng rãi trong nhựa PVC cứng và được ứng dụng nhiều nhất trong sản xuất ống nhựa và tấm trần. Sử dụng sản phẩm hạt CaCO₃ Filler Masterbatch làm gia tăng độ bền sản phẩm, độ phân tán trong hóa chất nhựa tốt hơn, độ bóng sản phẩm đạt được tối ưu, cải tiến quá trình sản xuất. Vì vậy hạt CaCO₃ Filler Masterbatch là một loại nguyên liệu không thể thiếu trong quá trình sản xuất những loại sản phẩm này. Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch có ảnh hưởng lớn đến những đặc tính của sản phẩm như là độ bền trong môi trường tự nhiên, thời gian sử dụng sản phẩm, do đó lựa chọn đúng loại hạt CaCO₃ Filler Masterbatch để sử dụng làm nguyên liệu là rất quan trọng

- Sản xuất ống nhựa PVC và phụ kiện nhựa:

Sử dụng sản phẩm hạt CaCO₃ Filler Masterbatch trong nhựa Polyolefin sẽ tạo độ cứng cao hơn, cải thiện quá trình sản xuất, rút ngắn thời gian và giảm chi phí. Trong phụ kiện chủ yếu làm tăng lợi nhuận.

Đối với ống PVC chịu áp lực thường sử dụng hạt CaCO₃ Filler Masterbatch độn với hàm lượng ít vì để tạo cho sản phẩm ống chịu được áp lực mức cao nhất, bề mặt sản phẩm láng bóng nhất và chịu được tác động bề mặt. Cũng như những sản phẩm trên, chất lượng CaCO₃ Filler Masterbatch là chìa khóa để sản phẩm thành công trên thị trường trong việc sản xuất ống cấp thoát nước PVC và phụ kiện nhựa.



III. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật

- Sản xuất dây cáp điện (nhựa Polyolefin):

Tỷ trọng hạt Filler Masterbatch được sử dụng ngày càng tăng với mục đích để giảm giá thành, bên cạnh đó CaCO₃ Filler Masterbatch có thể xem như chất chống cháy (nếu kết hợp đúng với loại nhựa và phụ gia khác).

Để đạt được chi phí hiệu quả nhất, nhà sản xuất dây cáp điện có thể chọn nhiều loại CaCO₃ Filler Masterbatch cho nhiều loại dây cáp, từ loại dây cáp có lớp cách điện mỏng cho đến loại dây cáp có lớp cách điện dày.

- Sản xuất màng:

Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất những màng mỏng cho đến sản xuất những tấm dày, làm tăng các tính chất hóa học và cải thiện năng suất sản xuất. Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch làm giảm chi phí sản xuất, tăng độ cứng, độ bền trong việc làm chất độn cho các sản phẩm. Công nghệ sản xuất màng được ứng dụng trong sản xuất những sản phẩm nhựa rộng rãi, sản xuất từ những màng nhựa thoát hơi cho đến màng bọc đúc ép cũng như là những tấm chịu nhiệt. Sử dụng Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch trong sản xuất sản phẩm màng nhựa thoát hơi với những lỗ nhỏ li ti có những ưu điểm vượt trội đặc biệt liên quan đến vấn đề vệ sinh, Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch là chất hoạt động trong trường hợp này, cung cấp cho lớp màng với những tính chất đặc biệt cho phép thoát hơi thông qua hệ thống lỗ nhỏ li ti. Đối với màng bọc đúc ép, hạt CaCO₃ Filler Masterbatch giúp giảm chi phí giá thành trong sản xuất và cải tiến chất lượng bọc, hạt CaCO₃ Filler Masterbatch được sử dụng trong nhựa LDPE, LLDPE, HDPE và PP.

III. Ngành nghề kinh doanh và sản phẩm nổi bật

- Sản xuất sợi:

Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch thường được sử dụng trong nhựa PE hoặc túi PP, dệt túi PP chống ảnh hưởng của việc phân đoạn hoặc chống ảnh hưởng của việc kết sợi.

- Các sản phẩm đúc:

Khi sử dụng sản phẩm Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch trong sản xuất sản phẩm đúc, độ cứng và độ bền sẽ được cải tiến dẫn đến tiết kiệm chi phí.

- Phun khuôn:

Sử dụng sản phẩm Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch trong phun khuôn là một giải pháp đã được chứng minh cải tiến tính chất sản phẩm và quá trình sản xuất. Nó thường được sử dụng rộng rãi trong sản xuất phụ tùng, thiết bị, sản phẩm gia đình và trong ngành công nghiệp tự động.

- Sản xuất hạt Polyolefin:

Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch còn thích hợp trong sản xuất hạt Polyolefin nhằm giảm phân đoạn định hình nhựa PP, tăng độ cứng, giảm lượng Titan oxit và giảm lượng nguyên vật liệu.

- Thổi khuôn:

Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch được ứng dụng trong thổi khuôn để sản xuất chai lọ hoặc những sản phẩm dùng làm vật chứa sẽ có những ưu điểm, bằng cách lựa chọn những loại nguyên liệu nhựa phù hợp với Hạt CaCO₃ Filler Masterbatch thì nhà sản xuất sẽ tạo ra sản phẩm hoặc vật chứa có trọng lượng cân bằng và giảm chi phí.



IV. Phân tích S.W.O.T và các rủi ro trọng yếu

1. PHÂN TÍCH S.W.O.T.

TẬN DỤNG ĐIỂM MẠNH, DÙNG CƠ HỘI LÀM ĐÓN BẮY

- Phát huy tính kinh tế theo quy mô từ nguồn nguyên liệu tự khai thác, tận dụng vốn đầu tư hơn nữa cho dòng sản phẩm chủ lực chất lượng cao, giá cả hợp lý để kích cầu, mở rộng thị phần trong nước;
- Huy động nguồn vốn để đầu tư cho các trang thiết bị, cải tiến công nghệ và đào tạo nhân sự nhằm chuẩn bị cho việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh;
- Tận dụng cơ hội xuất khẩu sang các quốc gia có thuế suất thấp hoặc không áp thuế để mở rộng thị trường, tăng doanh thu

PHÁT HUY ĐIỂM MẠNH, VƯỢT QUA THÁCH THỨC

- Lợi thế nguồn nguyên liệu lớn là điểm mạnh trong việc tiết giảm chi phí đầu vào, bù đắp cho sự ảnh hưởng từ dầu mỏ, khí thiên nhiên và than đá;
- Công nghệ cao, định hướng rõ ràng, kiểm soát nghiêm ngặt từ sản xuất đến sau bán để đảm bảo sản phẩm chất lượng tốt nhất đến tay người dùng sẽ tạo ra lợi thế cho Nhựa Pha Lê trong cuộc cạnh tranh với doanh nghiệp cùng ngành khác.

ĐIỂM MẠNH

S

- S1.** Chủ sở hữu mỏ đá CaCO₃ lớn nhất tại Quỳnh Hợp, Nghệ An
- S2.** Là một trong những công ty đầu tiên có mô hình kinh doanh toàn diện từ khâu khai thác nguyên liệu tới sản phẩm cuối cùng
- S3.** Công nghệ hiện đại với công suất cao, vốn đầu tư từ PYN
- S4.** Đội ngũ lãnh đạo tâm huyết, có tầm nhìn chiến lược cùng lực lượng cán bộ kỹ thuật dày dặn kinh nghiệm, đội ngũ công nhân lành nghề

CƠ HỘI

O

- O1.** Sản phẩm ngành nhựa được ứng dụng rộng rãi trong nhiều lĩnh vực, nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng về sản phẩm nhựa chất lượng cao, trong khi các sản phẩm nội địa mới chỉ đáp ứng được một phần rất nhỏ.
- O2.** Ngành nhựa là một trong 10 ngành công nghiệp trọng điểm được chính phủ tập trung đầu tư để trở thành ngành mũi nhọn của cả nước.
- O3.** Hiệp định thương mại và chính sách mở cửa được kỳ vọng sẽ đưa mức thuế nhập khẩu sản phẩm nhựa Việt Nam tại các thị trường xuất khẩu EU, Nhật Bản, Hàn Quốc xuống còn 0% – 5%.

IV. Phân tích S.W.O.T và các rủi ro trọng yếu

ĐIỂM YẾU

W

W1. Là doanh nghiệp mới được thành lập từ năm 2008, thương hiệu chưa được biết đến rộng rãi

KHẮC PHỤC ĐIỂM YẾU NHỜ NĂM BẮT CƠ HỘI KỊP THỜI

- Quảng bá rộng rãi hơn sự khác biệt hóa trong mô hình kinh doanh, chất lượng – nguồn gốc sản phẩm cùng với công nghệ
- máy móc hiện đại để tạo dấu ấn với người tiêu dùng trong nước, dần đẩy mạnh giá trị thương hiệu;
- Điều tra, nghiên cứu để cải tiến sản phẩm phù hợp với cầu nội địa, quá trình thu thập thông tin cũng là cơ hội để tiếp cận gần hơn với người tiêu dùng Việt.

THÁCH THỨC

T

T1. Ngành nhựa chịu sự ảnh hưởng bởi nguyên liệu đầu vào cho sản xuất chủ yếu là chế phẩm từ dầu mỏ, khí thiên nhiên và than đá. Biến động giá của các nguồn nguyên liệu hóa thạch này ảnh hưởng trực tiếp tới chi phí sản xuất của ngành nhựa.

T2. Sự cạnh tranh ngày càng lớn đến từ cả sản phẩm trong nước lẫn sản phẩm ngoại nhập.

NHẬN RA CƠ HỘI TỪ THÁCH THỨC

- Không ngừng học hỏi công nghệ tiên tiến, tham khảo máy móc trang thiết bị hiện đại để có sự cải tiến, bổ sung kịp thời cho hệ thống máy móc và tiếp cận công nghệ mới theo hướng phù hợp nhất, định hướng thân thiện với môi trường và xã hội nhằm tạo ra sự phát triển bền vững.

IV. Phân tích s.w.o.t. và các rủi ro trọng yếu

1. PHÂN TÍCH S.W.O.T.

Năm 2017, ngành nhựa tiếp tục đương đầu với những thách thức và khó khăn trong khi yêu cầu hội nhập ngày càng cao mà khả năng đáp ứng được tổng thể nhu cầu người tiêu dùng còn hạn chế, áp lực cạnh tranh tăng cao trước làn sóng đầu tư trực tiếp từ nước ngoài ngày càng tăng. Trong những giải pháp được đưa ra từ phương pháp phân tích S.W.O.T., còn nhiều phương pháp chưa được áp dụng do điều kiện thực tế không cho phép và các yếu tố khách quan cùng lúc tác động khiến doanh nghiệp khó khăn trong việc giải quyết đồng loạt. Điển hình là vấn đề huy động nguồn vốn để đầu tư cho các trang thiết bị, cải tiến công nghệ và đào tạo nhân sự; đây là giải pháp mang tính chiến lược, cần có sự thông qua của ban lãnh đạo công ty và nhà đầu tư cũng như sự đồng thuận từ phía các cổ đông nên đòi hỏi phải có thời gian và kế hoạch triển khai cụ thể, công việc có độ trễ nhất định không thể giải quyết ngay lập tức. Hay biến động giá là nguyên nhân bất khả kháng, sự ảnh hưởng của thị trường là yếu tố khó đoán định, không thể phòng ngừa hoàn toàn được. Do đó, việc phân tích S.W.O.T. phần nào chỉ ra hướng đi dài hạn cho doanh nghiệp, giúp Nhựa Pha Lê hiểu rõ thế mạnh cũng như yếu điểm của mình để có hướng khắc phục, nhưng kết quả đem lại từ các giải pháp này rất khó để định lượng, phụ thuộc nhiều vào điều kiện thực tế. Để có thể duy trì vị thế và phát triển hơn nữa, ban lãnh đạo cùng các cán bộ công nhân viên của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê cùng nhau trân trọng và bồi đắp giá trị cốt lõi, giá trị ấy xuất phát từ chính những con người đã – đang và sẽ đồng hành cùng công ty, vì một tương lai vững mạnh hơn cho ngành nhựa nước nhà, phúc lợi dành cho người dân và một môi trường xanh – sạch – đẹp.

IV. Phân tích s.w.o.t. và các rủi ro trọng yếu

2. CÁC RỦI RO TRỌNG YẾU

RỦI RO VỀ KINH TẾ

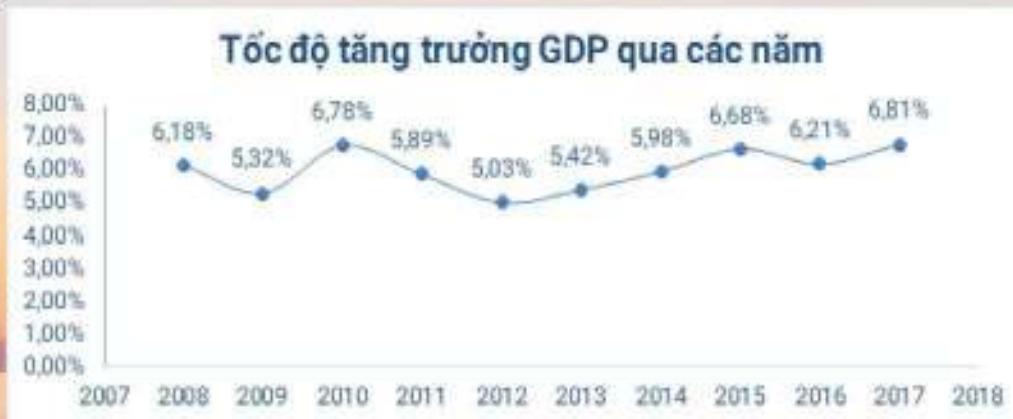
Rủi ro về kinh tế là loại rủi ro hệ thống thông qua những biến động như tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất,... có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế nói chung. Vì vậy, việc phân tích các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ làm rõ mức độ tác động của loại rủi ro này cũng như đưa ra được các biện pháp hạn chế, khắc phục mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.

Tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Nền kinh tế Việt Nam giai đoạn 2008 - 2012 phải đối mặt với những khó khăn, thách thức lớn như: (i) hàng chục nghìn doanh nghiệp phá sản, (ii) mặt bằng lãi suất cao, (iii) các tổ chức trung gian tài chính (trong đó tiêu biểu là các tổ chức tín dụng) phải đối mặt với việc tái cơ cấu hoặc/và thu hẹp quy mô hoạt động. Bước sang giai đoạn 2013-2014, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn, mức tăng GDP cả năm 2013 đạt 5,52%, và tốc độ tăng GDP năm 2014 đạt 5,98%.

Bước sang năm 2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 6,68%, tốc độ tăng cao nhất trong vòng 5 năm trở lại đây. Năm 2016, tốc độ tăng trưởng GDP giảm nhẹ, chỉ đạt 6,21% không đạt mục tiêu Quốc hội đặt ra. Tuy nhiên, mức tăng trưởng GDP vẫn đạt trên 6%/năm, đây là một dấu hiệu khả quan cho thấy mặc dù tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế nước ta đang tiếp tục phục hồi. Sang năm 2017, GDP Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng với mức tăng 6.81% so với năm 2016, mức tăng trưởng này vượt mục tiêu đề ra 6.7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.



IV. Phân tích S.W.O.T. và các rủi ro trọng yếu

Lạm phát

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 1,84% so với năm 2012 và năm 2013. Năm 2015, lạm phát Việt Nam là 0,63%, mức thấp nhất trong 10 năm qua. Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy mục tiêu kiểm soát lạm phát và ổn định vĩ mô của Việt Nam đã phát huy tác dụng, nhờ vậy các doanh nghiệp có thể yên tâm phát triển sản xuất kinh doanh. Bước sang năm 2016, tỷ lệ lạm phát lại tăng trở lại, lên mức 4,47%. Mức lạm phát này chỉ ở mức trung bình và không ảnh hưởng lớn đến hoạt động của Công ty. Lạm phát cơ bản bình quân năm 2017 tăng 1,41% so với bình quân năm 2016. CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng thực hiện một số biện pháp góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2017 (tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường, tổ chức các đoàn công tác liên ngành kiểm tra tình hình triển khai thực hiện công tác quản lý bình ổn giá tại một số địa phương). Cùng với đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều hành chính sách tiền tệ kiên định mục tiêu giữ ổn định vĩ mô và kiểm soát lạm phát.

Lãi suất

Lãi suất là một trong những yếu tố tác động mạnh tới hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Lãi suất ngân hàng tăng cao sẽ gây áp lực lên chi phí tài chính và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế.

Hiện nay, lãi suất cho vay của các ngân hàng đang trong xu hướng giảm do lãi suất huy động VND đang tiếp tục giảm nhẹ. Lãi suất huy động kỳ hạn dưới 6 tháng trong năm 2016 ở mức 5,5%/năm và 6-6,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng. Với mức lãi suất huy động như trên, lãi suất cho vay của các ngân hàng thương mại chỉ còn ở mức 9 - 11%/năm đối với vay ngắn hạn và 11,5 - 12,5% đối với vay trung/dài hạn cho lĩnh vực khác. Bên cạnh đó, mục tiêu của Ngân hàng Nhà nước còn tiếp tục giảm 0,3 - 0,5% lãi suất trung và dài hạn trong thời gian tới.

Các khoản vay hiện nay của Nhựa Pha Lê chủ yếu là vay dài hạn, với lãi suất dao động ở mức từ 7%/năm đến 11%/năm. Mục đích của những khoản vay này chủ yếu để phục vụ việc đầu tư dự án mới của Công ty. Tuy lãi vay tạo ra gánh nặng tài chính, tuy nhiên những năm qua Công ty luôn thanh toán các khoản vay đúng hạn và luôn duy trì được mức đánh giá tín dụng tốt của các ngân hàng. Đồng thời, với triển vọng phát triển trong thời gian tới, ban lãnh đạo Nhựa Pha Lê tin tưởng rằng hoạt động của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng bởi các khoản vay này..

Tỷ giá

Giai đoạn 2013 - 2014, biên độ điều hành tỷ giá tăng đều đặn ở mức 2%/năm theo đúng như định hướng của Ngân hàng Nhà nước. Điều này đã góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được sức mua của đồng Việt Nam, trong bối cảnh sức mua trong nước cũng đã được khôi phục.

IV. Phân tích S.W.O.T. và các rủi ro trọng yếu

Trong năm 2015, lường trước những thông tin Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể điều chỉnh lãi suất vào tháng 9/2015 và sự phá giá đồng Nhân dân tệ, Ngân hàng Nhà nước đã có những chính sách điều chỉnh linh hoạt, ba lần thực hiện điều chỉnh tỉ giá bình quân liên ngân hàng và hai lần điều chỉnh tăng biên độ tỷ giá đồng thời công bố sẽ không điều chỉnh tỉ giá đến cuối năm 2015 đã giúp cho thị trường ngoại hối dần ổn định.

Trong năm 2016, Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra chính sách tỷ giá mới: tỷ giá đóng cửa ngày hôm trước có thể làm tham chiếu cho tỷ giá mở cửa của ngày hôm sau trên thị trường liên ngân hàng đồng thời giám đốc việc neo vào USD trong điều hành tỷ giá mà thay bằng một rổ tiền tệ bao gồm các đồng tiền chủ chốt. Bước sang năm 2017, Ngân hàng nhà nước tiếp tục duy trì chính sách tỷ giá linh hoạt. Chính sách này sẽ giúp triệt tiêu tình trạng đô la hóa trong nền kinh tế, giúp Ngân hàng trung ương có thể độc lập thực thi chính sách tiền tệ nhằm đạt được các mục tiêu quan trọng liên quan đến tăng trưởng và kiểm soát lạm phát trong trung và dài hạn.

Ngoài nguyên liệu bột đá CaCO₃ được khai thác trực tiếp trong nước, phần lớn các nguyên liệu đầu vào của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ nguồn nhập khẩu do đó chi phí nguyên liệu đầu vào chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá. Tuy nhiên, với đặc thù các nguyên liệu đầu vào nhập khẩu đều được dùng để sản xuất hàng xuất khẩu, rủi ro về tỷ giá của Công ty đã được hạn chế đáng kể (chi phí tăng khi nhập khẩu sẽ được bù đắp bởi giá bán tăng do tỷ giá). Ngoài ra, nhà máy tại Hải phòng của Công ty cũng đang được hưởng ưu đãi thuế nhập khẩu và thuế VAT 0% khi nhập khẩu nguyên liệu dùng cho hoạt động xuất khẩu, qua đó lại càng giảm gánh nặng tài chính cho Công ty.

RỦI RO VỀ PHÁP LUẬT

Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng, cụ thể là khai thác đá trắng, hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê không chỉ chịu sự điều tiết của Luật doanh nghiệp, Luật Thương mại và còn cả hệ thống văn bản luật chuyên ngành như Luật Khoáng sản, Luật bảo vệ môi trường, ... Đồng thời, là một doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, hoạt động của Công ty còn chịu ảnh hưởng của các văn bản pháp luật về công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi đó ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp và khi đó sẽ ảnh hưởng đến giá cổ phiếu của Công ty trên thị trường.

Thời gian qua hệ thống luật và văn bản dưới luật đang trong quá trình hoàn thiện theo hướng tích cực và thuận lợi, giúp cho các doanh nghiệp có hướng đi đúng và lành mạnh trong các hoạt động sản xuất kinh doanh. Có thể kể đến một số thay đổi đáng kể như sự ra đời của Luật Doanh Nghiệp 2014 hay việc cắt giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp từ 25% xuống còn 22% và 20%, ... Những thay đổi này tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển lâu dài của Công ty nhưng cũng đặt ra các yêu cầu nhằm bảo đảm việc theo sát và tuân thủ đầy đủ các quy định pháp luật hiện hành song song với việc triển khai và mở rộng các hoạt động kinh doanh một cách hiệu quả. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực, sự thay đổi của các văn bản pháp luật cũng làm nảy sinh rủi ro tranh chấp, kiện tụng, bồi thường nếu Công ty không am hiểu, không thường xuyên cập nhật các quy định mới.

IV. Phân tích S.W.O.T và các rủi ro trọng yếu

Để tuân thủ đúng pháp luật, nhóm pháp chế trực thuộc Ban kiểm soát nội bộ thường xuyên cập nhật, đối chiếu các quy định của Công ty phù hợp với quy định pháp luật và phổ biến đến từng bộ phận, chức năng chuyên môn. Đồng thời, các bộ phận chức năng chuyên môn cũng thường xuyên liên hệ, trao đổi và nhận được sự hướng dẫn chỉ đạo trực tiếp từ các cơ quan thẩm quyền. Các chuyên viên pháp chế rà soát 100% các hợp đồng và thỏa thuận được ký kết. Khi cần thiết, Công ty nhờ các đơn vị tư vấn luật pháp chuyên nghiệp trong và ngoài nước hỗ trợ thực hiện các giao dịch pháp lý phức tạp. Bên cạnh đó, trong hội đồng quản trị của công ty hiện nay đang có 2 thành viên có trình độ chuyên môn về luật; thêm vào đó, lại có kinh nghiệm trong lĩnh vực về ngành khai thác khoáng sản, nên việc cập nhật các quy định mới, để tuân thủ đúng luật pháp càng được chú trọng hơn nữa.

RỦI RO ĐẶC THÙ

Rủi ro về cân đối dòng tiền

Với danh mục nhiều dự án đầu tư trong lĩnh vực sản xuất hạt nhựa, Công ty luôn cần một lượng tiền lớn để đầu tư và phát triển. Trong một thời điểm nhất định, sự mất cân đối về dòng tiền thu và chi sẽ gây rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh. Việc đầu tư, mua nguyên liệu có thể bị dừng khi thiếu vốn; tiền lương và các khoản vay nếu không được trả đúng hạn sẽ ảnh hưởng đến uy tín và hoạt động của công ty. Ngoài ra, giá hạt CaCO₃ Filler Masterbatch có thể biến động do quan hệ cung cầu trên thị trường, hay có thể tồn đọng vấn đề nợ khó đòi.

Công ty luôn đề cao quản lý chặt chẽ dòng tiền và xây dựng một cơ cấu vốn hợp lý giữa nguồn vốn đầu tư dài hạn và ngắn hạn. Với khả năng giá sản phẩm có thể biến động trên thị trường, Nhựa Pha Lê sẽ cung cấp nguyên liệu với mức giá linh hoạt, cho phép dự án duy trì tỷ suất lợi nhuận bất kể giá cả dao động. Nhựa Pha Lê xây dựng chính sách bán hàng và thu hồi công nợ áp dụng với từng nhóm khách hàng cũng như thực hiện kế hoạch trả nợ nhà cung cấp để duy trì các khách hàng lớn đối với các sản phẩm của nhà máy, đồng thời luôn giữ chữ tín trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình.

Rủi ro cạnh tranh và thị trường

Với mức biên lợi nhuận đang và tiềm năng phát triển lớn cao, những năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất hạt nhựa ngày càng gia tăng đáng kể. Hiện nay trên thị trường miền Bắc đang có khoảng 30 nhà sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch hoạt động chủ yếu tại Hà Nam, Hà Nội, Yên Bái. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn đang manh mún và nhỏ lẻ, tuy nhiên vẫn có các doanh nghiệp có khả năng tạo ra áp lực cạnh tranh cho Nhựa Pha Lê.

Để kiểm soát rủi ro, Nhựa Pha Lê đã đưa ra một số định hướng phát triển như: Đầu tư dây chuyền máy móc thiết bị hiện đại, tập trung sản xuất những sản phẩm chất lượng cao và tạo ra sự chuyên biệt so với các doanh nghiệp khác; Huy động thêm vốn để mở rộng quy mô sản xuất, sớm giành được thị phần và đạt được độ phủ thị trường lớn đối với sản phẩm Công ty; Đẩy mạnh hoạt động marketing, truyền thông, quảng cáo sản phẩm, ...

IV. Phân tích S.W.O.T và các rủi ro trọng yếu

Rủi ro về chất lượng sản phẩm

Là doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực đòi hỏi hàm lượng chất xám và công nghệ cao, sản phẩm đầu ra có thể gặp rủi ro không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và bị người mua từ chối. Chất lượng sản phẩm được quyết định bởi hai yếu tố quan trọng nhất là chất lượng và sự ổn định nguồn nguyên liệu cũng như sự đồng đều của cỡ hạt đầu ra. Công ty hiện nay đang có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định, do đó rủi ro về chất lượng đầu ra chủ yếu đến từ quá trình sản xuất, trong đó sai sót trong thao tác của người lao động là một trong những nguyên nhân chính, đặc biệt là tại các nhà máy.

Để hạn chế rủi ro về chất lượng, Nhựa Pha Lê đã đề ra các chiến lược như: chuẩn hóa hệ thống kiểm tra kiểm soát và ban hành các chính sách chặt chẽ, thuê tư vấn chuyên nghiệp tái cấu trúc mô hình quản lý, quản trị rủi ro; Xây dựng kế hoạch kế thừa các cấp hàng năm; Tập trung đào tạo, huấn luyện phát triển nhân viên, đặc biệt là nguồn nhân lực kế thừa; Tiếp tục chăm lo tốt cho người lao động thông qua các chính sách lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ, khơi dậy tài năng, tạo môi trường làm việc thuận lợi và cơ hội thăng tiến công bằng; Thanh lọc lực lượng nhân sự đảm bảo đáp ứng yêu cầu công việc, nêu cao tinh thần dẫn thân và tính trung thành. Đối với những vị trí quan trọng, Công ty chú trọng tuyển chọn các vị trí quản lý và vận hành có kinh nghiệm lâu năm. Đối với những vị trí chưa có nhiều kinh nghiệm, Công ty sẽ tổ chức các chương trình đào tạo thực hành tại những đơn vị sản xuất bột đá đã vận hành trên 10 năm nay.

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ CHỨNG KHOÁN

Cổ phiếu PLP niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh sẽ giúp Nhựa Pha Lê nâng cao hình ảnh thương hiệu, thuận lợi trong việc mở rộng hợp tác với các đối tác chiến lược. Nhờ vào việc niêm yết, Nhựa Pha Lê sẽ có điều kiện tăng cường minh bạch thông tin hoạt động kinh doanh, cải thiện quy trình quản trị, qua đó kỳ vọng gia tăng lợi nhuận Công ty cũng như giá trị của cổ phiếu PLP trên thị trường.

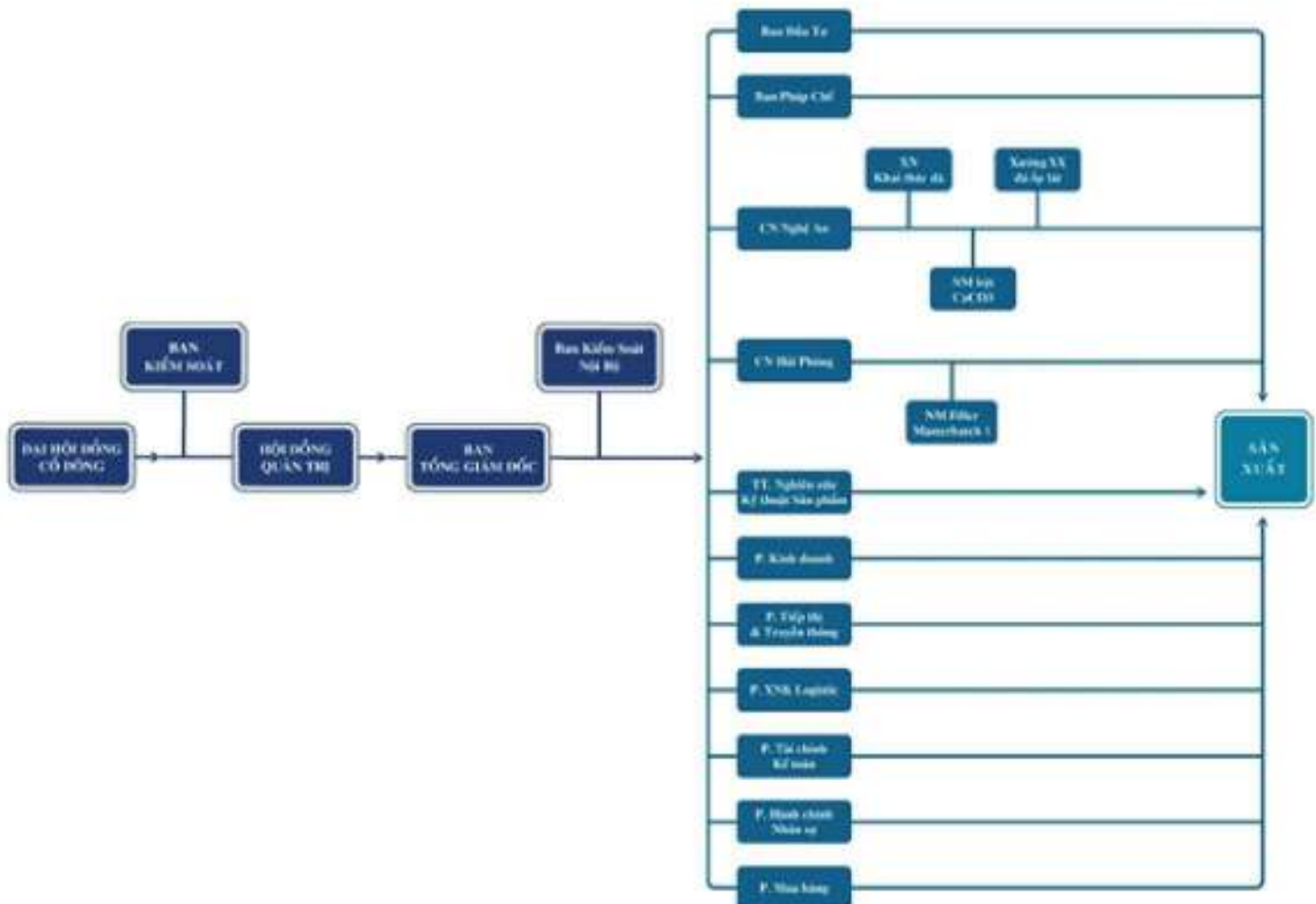
Tuy nhiên, giá cổ phiếu PLP trên thị trường chứng khoán còn chịu sự ảnh hưởng của thị trường chứng khoán nói chung, tâm lý nhà đầu tư nói riêng hoặc những tin tức kinh doanh ngắn hạn. Nhựa Pha Lê không thể kiểm soát được sự biến động của cổ phiếu PLP do những tác nhân bên ngoài, đặc biệt là các yếu tố liên quan đến tâm lý thị trường. Do đó, Nhựa Pha Lê chỉ có thể tập trung vào hoạt động kinh doanh cốt lõi với kỳ vọng trong dài hạn, giá cổ phiếu của PLP sẽ biến động tương ứng với kết quả kinh doanh thực tế của Công ty.

RỦI RO KHÁC

Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch họa, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh, bệnh dịch... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

V. Mô hình kinh doanh và nội lực

1. MÔ HÌNH KINH DOANH



Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp được thông qua bởi Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ:

- Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và định hướng phát triển Công ty
- Thông qua Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, các báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật pháp và Điều lệ Công ty.

V. Mô hình kinh doanh và nội lực



Hội đồng quản trị (HDQT)

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

Ban kiểm soát

Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; thực hiện các nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Ban Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc là người tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Nhựa Pha Lê theo các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, quyết định, thực hiện tất cả những công việc không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

V. Mô hình kinh doanh và nội lực

Các phòng/Ban/Đơn vị chức năng: Công ty có 07 phòng, ban chức năng, bao gồm:

PHÒNG HÀNH CHÍNH QUẢN TRỊ

- Thực hiện việc tuyển dụng nhân sự đảm bảo chất lượng theo yêu cầu, chiến lược của công ty.
- Tổ chức, phối hợp với các đơn vị khác thực hiện quản lý nhân sự, đào tạo và tái đào tạo.
- Tổ chức việc quản lý nhân sự toàn Công ty.
- Xây dựng quy chế lương thưởng, các biện pháp khuyến khích – kích thích người lao động làm việc, thực hiện các chế độ cho người lao động.
- Chấp hành và tổ chức thực hiện các chủ trương, quy định, chỉ thị của Ban Giám đốc.
- Nghiên cứu, soạn thảo và trình duyệt các quy định áp dụng trong Công ty, xây dựng cơ cấu tổ chức của công ty - các bộ phận và tổ chức thực hiện.
- Phục vụ các công tác hành chính để BGD thuận tiện trong chỉ đạo – điều hành, phục vụ hành chính để các bộ phận khác có điều kiện hoạt động tốt.
- Quản lý việc sử dụng và bảo vệ các loại tài sản của Công ty, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn lao động, vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ trong Công ty.
- Tham mưu đề xuất cho Ban Tổng Giám đốc để xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực Tổ chức - Hành chính - Nhân sự: tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ dân sự theo luật và quy chế công ty.
- Hỗ trợ Bộ phận khác trong việc quản lý nhân sự và là cầu nối giữa BGD và Người lao động trong Công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty

PHÒNG TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và Ban Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực Tài chính - Kế toán - Tín dụng của Công ty
- Kiểm soát bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế trong Công ty theo các quy định về quản lý kinh tế của Nhà nước và của Công ty.
- Quản lý chi phí của Công ty.
- Thực hiện công tác thanh tra tài chính các đơn vị trực thuộc Công ty

PHÒNG KINH DOANH & MARKETING

- Tham mưu cho Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc về:
- Công tác kế hoạch và chiến lược phát triển Công ty
 - Công tác đầu tư và phát triển kinh doanh
 - Tổ chức hệ thống thông tin kinh tế trong Công ty
 - Công tác quản lý kinh tế
 - Tham mưu cho Ban Giám đốc về nghiệp vụ kinh doanh
 - Hỗ trợ kinh doanh chi nhánh trong Công ty
 - Trực tiếp kinh doanh các sản phẩm của Công ty
 - Tiếp thị, tìm kiếm công việc, phát triển thị trường
 - Công tác đầu tư phát triển dự án, quản lý và khai thác các dự án đảm bảo hiệu quả cao

V. Mô hình kinh doanh và nội lực

PHÒNG XUẤT NHẬP KHẨU

Là phòng chuyên môn, nghiệp vụ, giúp Ban Giám đốc thực hiện chức năng quản lý về hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa, logistic

- Chịu trách nhiệm quản lý điều hành toàn bộ hoạt động xuất nhập khẩu,
- Lập và triển khai các kế hoạch nhằm đáp ứng tiến độ xuất hàng
- Thực hiện việc đàm phán, ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp: vận tải, bảo hiểm
- Xử lý các thủ tục cấp phép nhập khẩu, xuất khẩu, các vấn đề phát sinh khi thông qua: hồ sơ, chứng từ
- Lập và triển khai các báo cáo cho hải quan theo yêu cầu của luật hải quan
- Tham mưu cho Ban giám đốc các ý tưởng nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng công việc của bộ phận

PHÒNG NGHIÊN CỨU KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ (QC)

Là phòng chuyên nghiên cứu các yêu cầu của khách hàng, sản phẩm mới của thị trường từ đó cải tiến các sản phẩm, phát triển sản phẩm mới nhằm đưa ra những sản phẩm tốt nhất đến khách hàng. Phòng QA có nhiệm vụ:

- Đánh giá nội bộ hệ thống Quản lý chất lượng hàng năm của công ty.
- Tham gia các hoạt động cải tiến sản xuất.
- Phối hợp với bên sản xuất khi có khách hàng đánh giá công ty
- Đánh giá nhà cung cấp, chất lượng hàng hóa
- Thực hiện việc huấn luyện cho các bộ phận liên quan về việc áp dụng hệ thống, tiêu chuẩn và quy trình cũng như những thay đổi của hệ thống và quy trình cho phù hợp với yêu cầu thực tế.

CÁC NHÀ MÁY / CHI NHÁNH

Các nhà máy sản xuất của công ty là các đơn vị sản xuất hàng hóa theo định hướng phát triển và kế hoạch cụ thể của công ty. Các nhà máy hoạt động độc lập và có mô hình tương tự như một doanh nghiệp thu nhỏ với các bộ phận chuyên môn gồm: Các xưởng sản xuất, hành chính, kế toán, QC, Kỹ thuật, kho vận, ANAT.

Với mô hình tổ chức quản lý như vậy, Công ty đã và đang quản lý tốt bộ máy hoạt động của mình. Các bộ phận/ phòng ban có sự liên kết, hỗ trợ cho nhau tạo nên một hệ thống liên hoàn, thống nhất, có hiệu quả trong Công ty.

PHÒNG KẾ HOẠCH, VẬT TƯ

Phòng kế hoạch & vật tư là một bộ phận nằm trong cơ cấu tổ chức bộ máy điều hành của Công ty, có chức năng, nhiệm vụ tham mưu giúp việc Giám đốc Công ty trên các lĩnh vực:

- Quản lý và xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh trong theo định hướng phát triển của Công ty
- Công tác thị trường và ký kết hợp đồng kinh tế các loại: Hợp đồng mua bán VLNCN, hợp đồng mua bán các loại vật tư, thiết bị, ...
- Công tác điều độ sản xuất, công tác thống kê kế hoạch SXKD, công tác quản lý mua sắm và dự trữ các loại vật tư phục vụ cho SXKD, công tác quản trị chi phí sản xuất.
- Tham gia xây dựng hệ thống quản lý chất lượng và trách nhiệm xã hội tại Công ty.

PHÒNG KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM (QA)

- Là bộ phận tham mưu, giúp việc cho Giám đốc trong việc kiểm tra chất lượng sản phẩm trước và sau khi sản xuất, xuất xưởng nhằm đảm bảo cho sản phẩm của Công ty luôn ở mức tiêu chuẩn
- Kiểm soát chất lượng sản phẩm theo quy định bao gồm kiểm tra thường xuyên và kiểm tra định kỳ
- Phòng QC có trách nhiệm kiểm tra trong phạm vi: nguyên liệu, phụ liệu đưa vào sản xuất; hàng hóa, thành phẩm nhập kho; Hàng hóa, thành phẩm đưa ra thị trường; các hàng hóa khác khi có yêu cầu

V. Mô hình kinh doanh và nội lực

2. PHÂN TÍCH NỘI LỰC

NGUYÊN VẬT LIỆU



Nguyên liệu hạt Filler Masterbatch

Hạt nhựa Filler Masterbatch có thành phần chủ yếu là từ bột đá CaCO_3 (chiếm từ 70% - 85%), do đó nguyên liệu bột đá CaCO_3 là thành phần tiên quyết để sản xuất sản phẩm hạt nhựa. Hiện nay, Công ty đang sở hữu mỏ đá trắng tại mỏ đá Thung Hung – Nghệ An có chất lượng cao về độ trắng sáng và tính hóa lý của nguồn nguyên liệu sản xuất bột đá và đá ối lá.

Chất lượng và độ ổn định của sản phẩm đá trắng từ mỏ đá Thung Hung chính là điều kiện tiên quyết giúp đảm bảo chất lượng của các hạt nhựa Filler Masterbatch. Bên cạnh đó việc sở hữu mỏ đá giúp quá trình sản xuất của Nhựa Pha Lê được khép kín từ khâu nguyên vật liệu đến sản phẩm đầu ra, đảm bảo sự ổn định cả về chất lượng và giá cả. Đây là lợi thế cạnh tranh tuyệt đối của Nhựa Pha Lê trên thị trường.

Bên cạnh thành phần chính là bột đá CaCO_3 , quá trình sản xuất Filler Masterbatch của Công ty còn cần đến nguyên liệu là hạt nhựa nguyên sinh. Vốn là sản phẩm được sản xuất từ dầu mỏ nên giá nhựa nguyên sinh biến động theo giá dầu thế giới. Nhìn chung, thị trường dầu mỏ thế giới năm 2016 đã chứng kiến nhiều biến động khi giá dầu chạm mức đáy lịch sử dưới 28 USD/ thùng hồi cuối tháng 1 năm 2016 và sau đó bật tăng lên mức gần 50 USD/ thùng. Ngoài việc không thống nhất trong việc cắt giảm sản lượng của các quốc gia thuộc Tổ chức các nước xuất khẩu dầu lửa (OPEC), một loạt các yếu tố bất ngờ khác như Brexit và kết quả bầu cử Tổng thống Mỹ đã khiến các nỗ lực hồi phục giá dầu bị gián đoạn. Dự báo trong năm 2017, tình hình kinh tế lẫn chính trị thế giới sẽ còn chứa đựng nhiều yếu tố bất ngờ có thể ảnh hưởng đến giá dầu. Tuy nhiên trước mắt theo Cơ quan Năng lượng Quốc tế (IEA) nhận định, nếu các quốc gia không đạt được thỏa thuận về tình trạng dư cung thì rủi ro giá dầu tiếp tục giảm trong năm 2017 là rất lớn. Như vậy, có thể nói với diễn biến giá dầu phức tạp như hiện nay, việc dự báo giá nhựa nguyên sinh sử dụng trong sản xuất của Nhựa Pha Lê đang gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên, nhựa nguyên sinh của Công ty chủ yếu đến từ nguồn nhập khẩu, do thời gian nhập về theo quý nên Nhựa Pha Lê có thể chủ động trong việc đưa ra các phương án kiểm soát rủi ro.

Ngoài bột đá và hạt nhựa nguyên sinh, quá trình sản xuất Filler Masterbatch của Nhựa Pha Lê còn cần đến một số hóa chất phụ gia khác như kẽm, axit, PEWAX,... Hầu hết các phụ gia này đều được Công ty mua nhập khẩu từ những nhà cung cấp uy tín, sản phẩm đảm bảo chất lượng. Do thường xuyên đặt hàng với số lượng lớn và ổn định, các Công ty có mối quan hệ thân thiết với các nhà cung cấp, và do đó hạn chế được một phần rủi ro biến động của giá cả nguyên vật liệu.

V. Mô hình kinh doanh và nội lực

TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ

Nhựa Pha Lê là đơn vị sở hữu dây chuyền, công nghệ và máy móc sản xuất tiên tiến nhất, quy trình quản lý chất lượng nghiêm ngặt. Kỹ thuật và quy trình khai thác đá của Công ty cũng như quy trình sản xuất Filler Masterbatch được thiết kế với sự linh hoạt tối đa để chúng tôi có thể thực hiện đơn đặt hàng của khách hàng toàn cầu theo cách phù hợp nhất với họ. Nhựa Pha Lê cũng liên tục cải tiến không ngừng để nội bộ công ty, từ phân xưởng khai thác, sản xuất cho đến bộ máy vận hành và hoạt động giao hàng diễn ra hiệu quả, trơn tru.

Nhằm giữ được lợi thế trong môi trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt, Nhựa Pha Lê đã dành phần lớn đầu tư vào nghiên cứu công nghệ tiên tiến nhất trong ngành công nghiệp và tinh chỉnh các quá trình cho phù hợp. Một yếu tố quan trọng của chiến lược mà Nhựa Pha Lê đưa ra là việc thành lập các cơ sở phòng thí nghiệm những nơi đang làm việc để áp dụng, thích ứng và phát triển của kỹ thuật sản xuất tiên tiến và quy trình sản xuất ra các sản phẩm tốt nhất với mức sử dụng tối ưu của nguyên vật liệu. Phòng thí nghiệm được trang bị thiết bị đầy đủ cũng giúp Nhựa Pha Lê có đủ năng lực đáp ứng nhu cầu của khách hàng cũng như là phát triển các sản phẩm mới và đảm bảo chất lượng sản phẩm hiện tại.

Công ty ưu tiên sử dụng những máy móc tân tiến nhất nhằm đem lại sự linh hoạt tuyệt vời trong quá trình sản xuất. Hiện nay, Nhựa Pha Lê là một trong những đơn vị tiên phong ở Việt Nam nhập khẩu máy đùn hạt nhựa áp dụng công nghệ mới nhất từ Đức. Công nghệ hiện đại giúp cho việc sản xuất vừa tiết kiệm năng lượng, thời gian, công sức vừa đạt công suất cao.



V. Mô hình kinh doanh và nội lực

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới (R&D) của Công ty đang thực hiện việc nghiên cứu, phân tích đặc thù của mỗi nguyên liệu hạt nhựa cho các sản phẩm ứng dụng khác nhau để đề xuất với lãnh đạo hướng phát triển, đa dạng hóa sản phẩm mới. Hiện tại Công ty vẫn tiếp tục duy trì và phát triển các sản phẩm đã và đang khai thác bao gồm nhóm sản phẩm từ đá CaCO_3 và nhóm sản phẩm hạt nhựa Filler Masterbatch. Công ty cũng thường xuyên cải tiến mẫu mã, đa dạng hóa sản phẩm, đầu tư công nghệ nhằm khắc phục sự một số yếu điểm trong quá trình sản xuất hiện tại, đồng thời giảm thiểu chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Đội ngũ nhân viên R&D của Công ty cũng đang hợp tác với Trung tâm công nghệ Polyme Bách Khoa và Viện Khoa học Vật liệu - Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để nghiên cứu thành phần và ứng dụng các loại hạt nhựa nguyên liệu đối với mỗi sản phẩm cung cấp cho khách hàng.



Trong những năm tới đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty vẫn tập trung phát triển ngành nghề truyền thống là sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch theo nhu cầu của các khách hàng quốc tế. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang tiến hành các dự án nghiên cứu phát triển để sản xuất các sản phẩm cuối cùng dựa trên ứng dụng của hạt Filler Masterbatch như sản phẩm màng phim bao gói thực phẩm, vải không dệt, sản phẩm tấm trần, khung, cửa nhựa,



V. Mô hình kinh doanh và nội lực

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ



Là một doanh nghiệp khai thác, sản xuất, Nhựa Pha Lê hiểu vai trò then chốt của việc quản lý vận hành trong việc đảm bảo sự thành công cho cả Công ty và khách hàng. Mô hình kinh doanh của Nhựa Pha Lê được xây dựng theo một chu trình toàn diện từ việc khai thác nguyên vật liệu thô, sản xuất, sản phẩm hoàn thiện và giao hàng. Hiện nay Công ty đã thiết kế mô hình hoạt động của công ty theo từng nhóm: Kinh doanh và Marketing; Sản xuất và Quản lý chất lượng; Nghiên cứu và phát triển; Giao vận; Văn phòng hỗ trợ. Mô hình quản lý này giúp Công ty có thể đảm bảo sự quản lý chặt chẽ và sự chuyên môn hóa các kỹ năng. Khách hàng sẽ luôn được phục vụ bởi từng đơn vị riêng biệt theo yêu cầu và mong muốn của mình, đảm bảo nhận được tốc độ phản hồi nhanh nhất, chính xác nhất cũng như dịch vụ chăm sóc khách hàng tốt nhất.



Công ty đặc biệt chú trọng đến công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm và dịch vụ, tất cả các loại nguyên vật liệu, sản phẩm về đều được kiểm tra chặt chẽ. Sản phẩm do Nhựa Pha Lê sản xuất cũng phải trải qua quá trình kiểm soát chất lượng chặt chẽ từ đầu vào đến đầu ra, nhờ đó có thể xâm nhập được vào các thị trường khó tính như Trung Đông, Châu Âu, Mỹ, ... Quá trình sản xuất của Công ty đạt được các chứng nhận chất

lượng quốc tế như Chứng nhận ISO 9001:2015 và ISO 14001: 2015.

Hệ thống sản xuất của Công ty được xây dựng và giám sát bởi Giám đốc công nghệ, người sẽ đảm bảo chất lượng của sản phẩm ở từng giai đoạn và cam kết rằng sản phẩm sẽ đến tay khách hàng đồng bộ với chất lượng hàng đầu. Bộ phận kiểm tra chất lượng của có chức năng tham mưu giúp Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý chất lượng vật tư đầu vào, trong quá trình sản xuất, thành phẩm, bán thành phẩm, sản phẩm trước khi giao hàng và quản lý dụng cụ đo lường trong toàn Công ty.

V. Mô hình kinh doanh và nội lực

HOẠT ĐỘNG MARKETING

Trong những năm qua Công ty đã thực hiện rất tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng có của mình và đã đạt được những hiệu quả cao. Đến nay sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường cả nước và quốc tế. Công ty luôn có những hợp đồng dài hạn với các đối tác là những công ty lớn, có nhu cầu mua hàng thường xuyên với khối lượng ổn định như Công ty Cổ Phần Hóa Chất Tp. Hồ Chí Minh, Orientlink Ltd., Azov ltd, Topaz jsc



VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu

1. CÁC BÊN LIÊN QUAN TRỌNG YẾU ĐỐI VỚI CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CÔNG NGHỆ NHỰA PHA LÊ:

Nhà cung cấp:

Tầm quan trọng của nhà cung cấp đối với doanh nghiệp thể hiện ở mức độ tập trung của các nhà cung cấp, tầm quan trọng của số lượng sản phẩm đối với nhà cung cấp, sự khác biệt của các nhà cung cấp, ảnh hưởng của các yếu tố đầu vào đối với chi phí hoặc sự khác biệt hóa sản phẩm, chi phí chuyển đổi của các doanh nghiệp trong ngành, sự tồn tại của các nhà cung cấp thay thế, nguy cơ tăng cường sự hợp nhất của các nhà cung cấp, chi phí cung ứng so với tổng lợi tức của ngành.

STT	Tên nhà cung cấp	Sản phẩm
1	Công ty An Thanh Biscol	Hạt nhựa nguyên sinh
2	Vicomig Singapore PTE., Ltd.	Hạt nhựa nguyên sinh
3	Công ty Cổ phần Hóa chất nhựa Đà Nẵng	Hạt nhựa nguyên sinh
4	Sumitomo Corporatiom VietNam LLC	Hạt nhựa nguyên sinh
5	Công ty Cổ phần Nhựa Opec	Hạt nhựa nguyên sinh
6	Công ty TNHH XNK Phú Lâm	Hóa chất phụ gia
7	Michang oils ind Co., Ltd	Hóa chất phụ gia
8	Công ty Tepe Kyma	Hóa chất

Với lợi thế là người chủ sở hữu mỏ đá trắng tại mỏ đá Thung Hưng – Quý Hợp – Nghệ An, Nhựa Pha Lê luôn có nguồn nguyên liệu chủ động. Đây là yếu tố tiên quyết để đảm bảo sự ổn định về giá thành cũng như chất lượng sản phẩm đầu ra của Công ty. Việc sở hữu mỏ đá đã giúp cho Nhựa Pha Lê vẫn giữ được giá thành sản xuất thấp hơn giá bán. Đồng thời, nhờ nhu cầu thị trường vẫn đang ở mức cao, giá bán sản phẩm hạt nhựa của Công ty được giữ vững, qua đó đảm bảo mục tiêu doanh thu và lợi nhuận.

VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu

Đối thủ tiềm năng:

Nếu muốn trở thành đối thủ của doanh nghiệp, các đối thủ tiềm năng phải vượt qua các rào cản gia nhập như các lợi thế chi phí tuyệt đối, sự hiểu biết về chu kỳ dao động thị trường, khả năng tiếp cận các yếu tố đầu vào, chính sách của chính phủ, tính kinh tế theo quy mô, các yêu cầu về vốn, tính đặc trưng của nhãn hiệu hàng hóa, các chi phí chuyển đổi ngành kinh doanh, khả năng tiếp cận với kênh phân phối. Hiện nay rào cản gia nhập ngành nhựa thì không lớn: việc thành lập và phát triển một công ty nhựa đòi hỏi vốn không quá lớn, dây chuyền công nghệ sản xuất không quá phức tạp. Tuy nhiên, số lượng công ty sản xuất nhựa với quy mô vừa và nhỏ nhưng đã có thương hiệu chiếm tỷ trọng không nhỏ sẽ là một trở ngại lớn đối với các công ty muốn tham gia thị trường ngành nhựa. Hơn nữa, các công ty lớn, hoạt động lâu năm như Nhựa Châu Âu, Nhựa An Phát,... đã xây dựng được hệ thống phân phối phủ khắp và mức chiết khấu cao cho các đại lý bán hàng. Điều này gây trở ngại cho những công ty mới tham gia có thể chen chân vào chuỗi phân phối. Tuy nhiên, thực trạng cho thấy nhiều doanh nghiệp đầu ngành vẫn chưa xây dựng được hệ thống sản xuất - mô hình kinh doanh toàn diện để cho ra sản phẩm cuối cùng, trong khi đó PLP lại là công ty đầu tiên xây dựng được mô hình kinh doanh này, giúp doanh nghiệp ngày một thành công.

VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu

Khách hàng:

Ảnh hưởng của khách hàng đến doanh nghiệp thể hiện ở vị thế giá cả, số lượng khách hàng, thông tin mà khách hàng có được, tính đặc trưng của nhãn hiệu hàng hóa, tính nhạy cảm đối với giá, sự khác biệt hóa sản phẩm, mức độ tập trung của khách hàng trong ngành, mức độ sẵn có của hàng hóa thay thế, động cơ của khách hàng. Khách hàng mục tiêu mà Nhựa Pha Lê hướng tới là các doanh nghiệp cả nội địa lẫn ngoại địa.

+ Sản phẩm thay thế:

Trong mảng xây dựng, dân dụng, công nghiệp, bưu chính, sản phẩm thay thế có thể tìm thấy không khó như thép, inox, nhôm... Tuy nhiên nhờ sự tiện dụng mà nhựa ngày càng được sử dụng phổ biến hơn trong đời sống, các sản phẩm nhựa được tiêu thụ rộng rãi trong nhiều ngành: xây dựng, chế biến, y tế, đồ gia dụng,... bởi đặc tính bền, nhẹ, dẻo và chi phí sản xuất thấp. Điều này giúp cho nhựa là sản phẩm có lợi thế cạnh tranh cao mà ít có sản phẩm nào có thể thay thế được.

VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu

3. MA TRẬN BCG

BCG là ma trận dùng để xác định các bên liên quan trọng yếu cần được ưu tiên hàng đầu trong chiến lược phát triển của doanh nghiệp, từ đó phân bổ nguồn lực hợp lý. Sau khi xác định các bên liên quan, Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê nhận thấy có thể phân loại các bên liên quan thành bốn nhóm với hai tiêu chí như biểu đồ dưới đây:

Mức độ phụ thuộc của bên liên quan đối với CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	<p>Nhóm đối thủ tiềm năng: Các doanh nghiệp có định hướng gia nhập ngành gặp rào cản lớn nếu những doanh nghiệp như Nhựa Pha Lê tiếp tục phát triển mạnh, trong khi PLP vẫn tiếp tục duy trì và mở rộng hoạt động kinh doanh dựa trên vị thế vốn có của mình.</p> <p>→ Các doanh nghiệp thuộc nhóm này không có ảnh hưởng đáng kể đến PLP do cần thời gian dài để tìm hiểu và chuẩn bị nếu muốn tham gia vào ngành nhựa nguyên liệu. Một số doanh nghiệp trong nhóm cũng có sự phụ thuộc nhất định với Nhựa Pha Lê do muốn học hỏi quy trình sản xuất, công nghệ mới,... của công ty.</p>	<p>Nhóm đối thủ hiện tại: là các doanh nghiệp cùng ngành đã và đang tiếp tục có ảnh hưởng mạnh mẽ đến PLP. Tăng trưởng doanh thu – lợi nhuận của PLP cũng khiến kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp cùng nhóm biến động ít nhiều và ngược lại;</p> <p>→ tuy nhiên số lượng các doanh nghiệp cùng ngành nhựa nguyên liệu chưa thật sự nhiều.</p> <p>→ Chiến lược kinh doanh của các công ty đều được các đối thủ cùng ngành quan tâm đặc biệt, PLP hiện đang đặt nhóm này vào một trong những yếu tố cần được chú trọng trong quá trình sản xuất kinh doanh.</p>
	<p>Nhóm sản phẩm thay thế: nhựa không cùng nhóm ngành với các sản phẩm inox, nhôm,... và khó có thể đánh giá vị thế của các doanh nghiệp có đặc thù riêng biệt, khách hàng mục tiêu của doanh nghiệp khác ngành cũng không trùng khớp hoàn toàn.</p> <p>→ Nhóm gần như không ảnh hưởng hay phụ thuộc PLP: thị phần của các công ty này không bị PLP chi phối, cũng không gây áp lực lớn lên Nhựa Pha Lê như các doanh nghiệp cùng ngành. Do đó PLP không đánh giá nhóm này là đối thủ cần quan tâm hàng đầu trong chiến lược phát triển ngắn hạn của mình.</p>	<p>Nhóm khách hàng thân thiết: Khách hàng quen thuộc trong và ngoài nước là nhóm đối tượng có mức ảnh hưởng lớn nhất đến PLP trong các bên liên quan: tạo doanh thu ổn định cho Nhựa Pha Lê, nhưng cũng có thể chuyển đổi nhà cung cấp nếu chất lượng không đảm bảo nên có mức ảnh hưởng nhất định với công ty.</p> <p>→ PLP vẫn luôn duy trì quan hệ gắn kết bền chặt với nhóm đối tượng đặc biệt này dựa trên chất lượng sản phẩm đã được khẳng định trong nhiều năm qua và các chính sách tối ưu dành cho khách hàng thân thiết.</p>

Mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan tới doanh nghiệp

VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu

4. GẮN KẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các yếu tố đầu vào

Cách thức sử dụng yếu tố đầu vào để tạo ra giá trị

Các yếu tố đầu ra

Các bên liên quan được hưởng lợi ích

NGUYÊN VẬT LIỆU

Kiểm soát tốt nguồn nguyên vật liệu nhập khẩu theo quý, tận dụng mỏ đá trắng chất lượng cao mà PLP sở hữu tại Nghệ An.

PLP kiểm soát tốt chất lượng và giá cả sản phẩm mà ít bị ảnh hưởng bởi biến động cung cầu từ thị trường.

Khách hàng thân thiết luôn nhận được nguồn hàng chất lượng cao, giá cả hợp lý ít dao động từ PLP, từ đó tin tưởng duy trì quan hệ dài hạn tốt đẹp với công ty.

VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu

Các yếu tố đầu vào

Cách thức sử dụng yếu tố đầu vào để tạo ra giá trị

Các yếu tố đầu ra

Các bên liên quan được hưởng lợi ích

TRÌNH ĐỘ CÔNG NGHỆ

Đầu tư nghiên cứu công nghệ, máy móc tiên tiến nhất, tiên phong nhập khẩu máy đùn hạt nhựa áp dụng công nghệ mới nhất từ Đức.

Tiết kiệm năng lượng, thời gian, công sức, công suất cao, chất lượng sản phẩm được đảm bảo.

Quá trình vận hành trơn tru đảm bảo nguồn hàng liên tục đáp ứng theo đơn đặt hàng, chất lượng sản phẩm ngày càng được cải thiện giúp khách hàng có đầu vào đảm bảo, gián tiếp hỗ trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của khách hàng doanh nghiệp.



VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu



Các yếu tố đầu vào

Cách thức sử dụng yếu tố đầu vào để tạo ra giá trị

Các yếu tố đầu ra

Các bên liên quan được hưởng lợi ích

NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI

Bên cạnh Filler Masterbatch, PLP nghiên cứu để sản xuất các sản phẩm cuối cùng dựa trên ứng dụng của hạt này (màng phim bao gói thực phẩm, vải không dệt, sản phẩm tấm trần,...) căn cứ nhu cầu của khách hàng quốc tế.

Đa dạng hóa mặt hàng, các sản phẩm qua nghiên cứu đã giảm thiểu yếu điểm.

Khách hàng có nhiều sự lựa chọn hơn khi hợp tác với PLP, hưởng lợi ích từ những đặc tính mới đã qua nghiên cứu của sản phẩm.

VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu

Các yếu tố đầu vào

Cách thức sử dụng yếu tố đầu vào để tạo ra giá trị

Các yếu tố đầu ra

Các bên liên quan được hưởng lợi ích

KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM/ DỊCH VỤ

Hệ thống sản xuất được xây dựng và giám sát bởi Giám đốc công nghệ, đảm bảo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và ISO 14001:2015.

Sản phẩm được đảm bảo về chất lượng, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường xung quanh trong quá trình sản xuất.

Người tiêu dùng trực tiếp nhận lợi ích từ "sản phẩm xanh" thân thiện với môi trường, chất lượng tốt.



VI. Gắn kết bên liên quan và xác định vấn đề trọng yếu



Các yếu tố đầu vào

Cách thức sử dụng yếu tố đầu vào để tạo ra giá trị

Các yếu tố đầu ra

Các bên liên quan được hưởng lợi ích

HOẠT ĐỘNG MARKETING

Thực hiện tốt hoạt động marketing theo những đặc thù riêng của PLP.

Sản phẩm và dịch vụ của Công ty đã có uy tín trên thị trường cả nước và quốc tế.

Khách hàng yên tâm khi hợp tác với thương hiệu uy tín.

VII. Chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm

1. TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2017 – 2022:



VII. Chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm

Hướng tới mục tiêu trở thành công ty khai thác, sản xuất và xuất khẩu hàng đầu tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á, lọt vào top 10 doanh nghiệp sản xuất hạt nhựa lớn nhất toàn cầu;

Tạo ra những sản phẩm với chất lượng tiên tiến, thân thiện môi trường;

Xây dựng hệ thống nhà máy với quy mô hàng đầu



VII. Chiến lược phát triển giai đoạn 5 năm

2. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2017 – 2022:

KINH TẾ

- Tăng trưởng kinh tế & làm việc bền vững;
- Đảm bảo các mô hình sản xuất có trách nhiệm.

XÃ HỘI

- Thành phố & cộng đồng bền vững;
- Thúc đẩy công nghiệp hóa toàn diện;
- Hợp tác để thực hiện các mục tiêu;
- Xóa nghèo.

MÔI TRƯỜNG

- Cuộc sống khỏe mạnh; sản phẩm thân thiện với môi trường;
- Xã hội hòa bình.

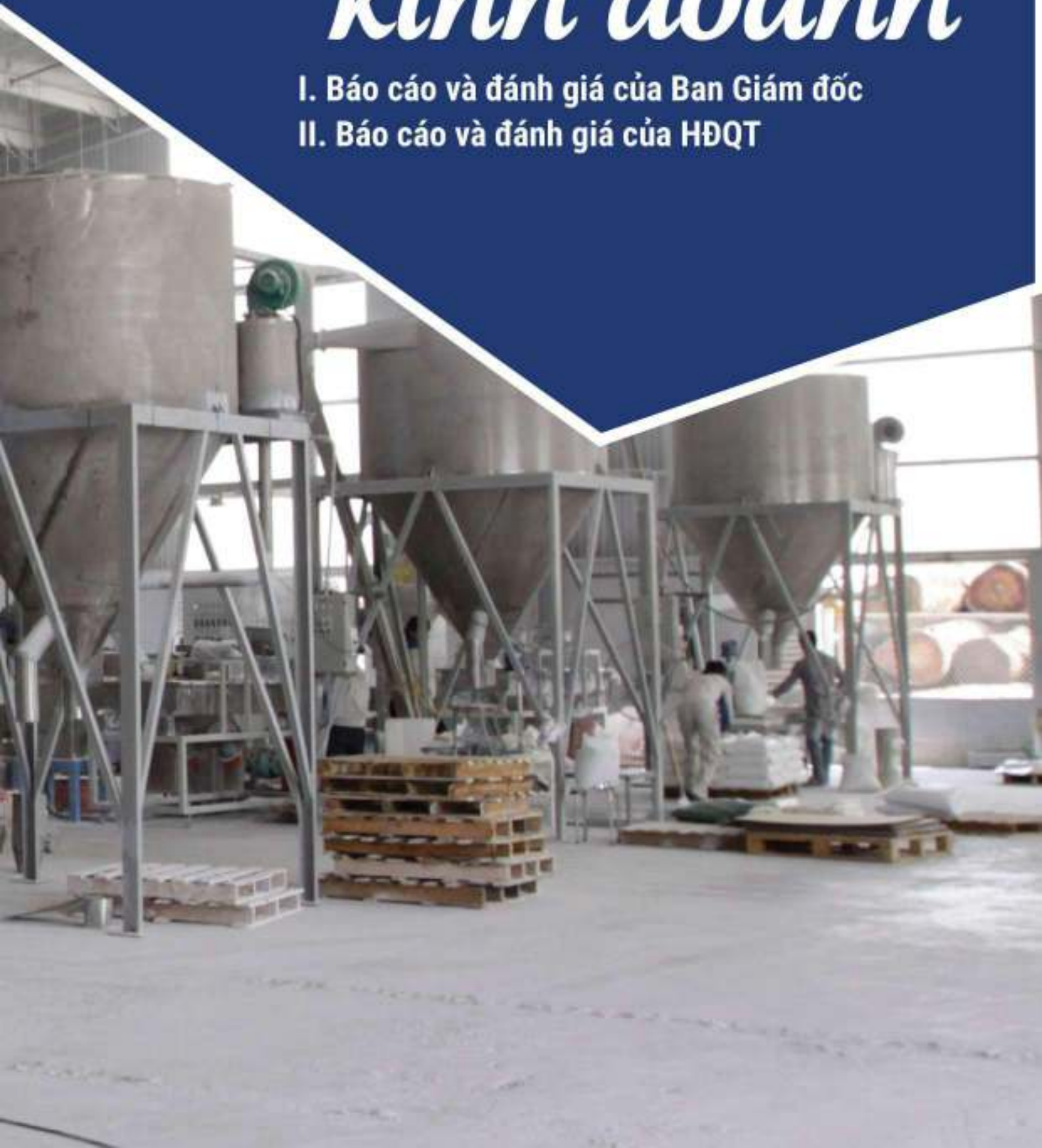






Hoạt động kinh doanh

- I. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc
- II. Báo cáo và đánh giá của HĐQT



1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. NHẬN ĐỊNH CHUNG VỀ THỰC TRẠNG NỀN KINH TẾ NĂM 2017

Thuận lợi:

- GDP Việt Nam năm 2017 tăng 6,81%, đạt mức cao nhất trong giai đoạn 2013-2017, vượt mục tiêu đề ra. Theo tổng kết từ Tổng cục Thống kê, GDP khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,0%, trong đó riêng ngành Xây dựng duy trì tăng trưởng khá với tốc độ 8,7%;
- Lãi suất cho vay giảm nhẹ và ổn định: Ở các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lãi suất dao động ở mức từ 6,8% đến 9%/năm trong ngắn hạn; 9,3% đến 11%/năm đối với trung và dài hạn;
- Xuất khẩu được đẩy mạnh: kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 213,77 tỷ USD trong năm 2017, tăng 21,1% so với năm trước;
- Vốn đầu tư toàn xã hội năm 2017 đạt 1.667,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2016 và chiếm 33,3% GDP;
- Ngành nhựa Việt Nam là ngành công nghiệp non trẻ, tuy nhiên có tốc độ tăng trưởng ấn tượng, đạt mức 16-18%/năm trong giai đoạn 2010-2015. Ngành nhựa chịu sự ảnh hưởng bởi nguyên liệu đầu vào cho sản xuất chủ yếu là chế phẩm từ dầu mỏ, khí thiên nhiên và than đá. Trong giai đoạn 2015 – 2016, do giá dầu thế giới giảm, các doanh nghiệp nhựa trong nước kịp thời tích trữ nguồn hàng giá rẻ, đồng thời mở rộng quy mô, đầu tư trang thiết bị, gia tăng sản lượng và cải thiện đáng kể lợi nhuận;
- Thu nhập bình quân đầu người gia tăng, cơ cấu dân số trẻ kết hợp tỷ lệ đô thị hóa, tỷ lệ dân trung lưu gia tăng và thói quen sử dụng bao bì nhựa là những động lực chính cho ngành nhựa bao bì.

Khó khăn

- Ngành công nghiệp hóa dầu trong nước chưa phát triển dẫn đến nguồn cung ứng nguyên liệu còn thiếu, tổng sản lượng nhựa nguyên liệu trong nước chỉ đáp ứng được 20% nhu cầu nên đa số các doanh nghiệp nhựa phải nhập khẩu từ nước ngoài. Trong đó, PE, PP vẫn là các mặt hàng được nhập khẩu nhiều nhất và giá trị tăng dần qua các năm. Tuy nhiên kể từ 01/01/2017, hạt nhựa PP nhập khẩu sẽ bị áp thuế 3% thay vì mức 1% như hiện nay, khiến cho chi phí của các doanh nghiệp ngành nhựa tăng lên đáng kể. Công nghệ sản xuất của ngành nhựa Việt Nam tồn tại khá nhiều nhược điểm như tiêu tốn năng lượng, ô nhiễm môi trường, chất lượng sản phẩm chưa đảm bảo tính cạnh tranh.
- Trong khi ngành nhựa ở một số quốc gia trong khu vực ASEAN như Thái Lan đã đón đầu xu hướng tiêu dùng của thế giới bằng cách hướng tới sản xuất các sản phẩm nhựa công nghệ sinh học, thân thiện với môi trường.
- Các doanh nghiệp ngành nhựa trong nước cũng đang đứng trước cuộc chiến tranh giành thị phần gay gắt với các doanh nghiệp ngoại như Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc
- Lãi suất ngân hàng tuy giảm nhưng các doanh nghiệp vẫn khó tiếp cận được nguồn vốn vay để phục hồi sản xuất và kinh doanh do chính sách cho vay còn tồn tại nhiều điều kiện ràng buộc.

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

2. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2017

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017

Chỉ tiêu	2017 (Việt Nam đồng)	2016 (Việt Nam đồng)	% Tăng/giảm
Doanh thu thuần	314.065.840.952	128.420.053.151	244,56%
Giá vốn hàng bán	219.537.367.455	107.607.509.664	204,02%
Chi phí tài chính	16.696.805.234	5.839.570.743	285,93%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	51.869.745.665	8.127.413.713	638,21%
Lợi nhuận khác	(145.406.209)	(87.776.925)	(165,65)%
Lợi nhuận trước thuế	51.724.339.456	8.039.636.788	643,37%
Lợi nhuận sau thuế	51.724.339.456	7.588.348.790	681,63%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017)

Kết quả tiêu thụ và hiệu quả hoạt động trong năm 2017 có nhiều chuyển biến tích cực, các chỉ tiêu cơ bản đều tăng mạnh so với năm trước, đặc biệt lợi nhuận của Nhựa Pha Lê trong năm nay có mức tăng trưởng vượt bậc – gấp hơn 6 lần so với năm trước: Doanh thu tăng 244,56%; Lợi nhuận trước thuế tăng 643,37% và lợi nhuận sau thuế tăng 681,63% so với năm 2016. Với tín hiệu lạc quan về tình hình tài chính, năm nay là một năm thành công của PLP khi doanh thu và lợi nhuận vượt mức cho phép doanh nghiệp thuần lợi trong việc đề ra các định hướng chiến lược liên quan đến mở rộng sản xuất và thị phần, đưa thương hiệu Pha Lê đến với nhiều đối tượng khách hàng tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ hơn nữa, đem sản phẩm của công ty đến gần hơn với người tiêu dùng Việt.

Kết quả trên đạt được xuất phát từ nhiều nguyên nhân, xét trên cả khía cạnh khách quan và chủ quan:

- Định hướng đúng đắn, sâu sát và sự tin cậy của HĐQT dành cho Ban Tổng Giám đốc.
- Quyết sách kịp thời, phù hợp với tình hình thực tế của Ban Tổng Giám đốc, cụ thể:
 - Nhựa Pha Lê đã tập trung chủ yếu sản xuất các sản phẩm có gốc CaCO₃ như: đá vôi trắng, bột đá và hạt độn phụ gia ngành nhựa, ... trong đó sản phẩm của Công ty vừa mang tính chuyên môn hóa cao, vừa mang tính đa dạng hóa, từng bước đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng;
 - Công ty áp dụng chính sách trả chậm LC 60-90 ngày. Chính sách này giúp công ty mở rộng thị trường, tăng khả năng cạnh tranh với các đối thủ khác trong ngành trên thị trường. Việc thực hiện chính sách này cũng cho thấy tham vọng của công ty nhằm chiếm lĩnh thị trường. Việc thực hiện chính sách này cũng cho thấy tham vọng của công ty nhằm chiếm lĩnh thị trường. Và dường như chính sách này rất khá quan, chính sách này đã giúp công ty tăng doanh thu thuần rất lớn;
 - Công ty ký kết và thực hiện được nhiều hợp đồng lớn với các khách hàng nước ngoài.
- Bên cạnh đó, một nguyên nhân khác khiến cho hoạt động kinh doanh có sự phát triển nhanh là nhờ ổn định của kinh tế vĩ mô.

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Tình hình Nợ phải trả

Đơn vị: Việt Nam đồng

	31/12/2017	31/12/2016
Nợ ngắn hạn	163.036.222.418	88.809.857.590
Phải trả người bán ngắn hạn	16.600.947.116	13.600.118.514
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1.646.016.619	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	486.908.983	1.655.719.769
Chi phí phải trả ngắn hạn	846.148.286	759.122.074
Phải trả ngắn hạn khác	98.528.169	51.173.483
Vay ngắn hạn	143.357.673.245	72.743.723.750
Nợ dài hạn	48.780.033.570	59.888.871.021
Vay dài hạn	48.780.033.570	59.888.871.021
Tổng nợ phải trả	211.816.255.988	148.698.728.611

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017)

Nợ ngắn hạn của công ty tăng lên từ gần 90 tỷ đồng cuối năm 2016 lên hơn 160 tỷ đồng cuối năm 2017 trong đó tăng mạnh nhất là khoản vay ngắn hạn. Vay ngắn hạn của công ty tăng gần gấp đôi do trong năm vừa qua công ty thực hiện chính sách trả chậm. Tuy nhiên, do thực hiện chính sách trả chậm, công ty sẽ bị chiếm dụng vốn trong một khoảng thời gian, điều này đòi hỏi Nhựa Pha Lê cần phải có nguồn dự trữ tài chính đủ mạnh để thực hiện chính sách trả chậm với định hướng mở rộng thị phần.

Khoản nợ dài hạn giảm xuống do công ty đang dẫn chuyển dịch cơ cấu nguồn vốn từ huy động chủ yếu từ nguồn vay nợ sang huy động từ nguồn vốn chủ sở hữu. Trong năm vừa qua công ty đã thực hiện việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Bên cạnh đó, cùng với việc niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh hứa hẹn từng bước chuyển dịch cơ cấu vốn của công ty rất khá quan, nâng tầm thương hiệu và danh tiếng.

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Tình hình Nợ phải thu

Đơn vị: Việt Nam đồng

	31/12/2017	31/12/2016
Các khoản phải thu ngắn hạn	87.928.219.521	48.909.359.078
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	65.421.597.503	30.734.596.536
Trả trước cho người bán ngắn hạn	21.434.923.070	6.543.143.378
Phải thu ngắn hạn khác	1.071.698.948	11.631.619.164

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017)

Do thực hiện chính sách bán trả chậm nên các khoản phải thu ngắn hạn tăng lên từ gần 50 tỷ cuối năm 2016 lên gần 90 tỷ cuối năm 2017. Trong đó, khoản phải trả trước cho người bán tăng với tốc độ nhanh nhất gần 3,5 lần từ hơn 6,5 tỷ đồng lên hơn 21 tỷ đồng.

Do thực hiện chính sách trả chậm, khách hàng chưa thanh toán hết tiền hàng, PLP phải tự bỏ tiền ra để mua nguyên vật liệu để sản xuất đảm bảo giao hàng đúng hạn giúp tăng cường uy tín, khả năng cạnh tranh của công ty. Cùng với đó, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng cũng tăng lên như là một điều tất yếu của chính sách điều hành kinh doanh của ban lãnh đạo trong quá trình phát triển của công ty.



1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Các chỉ tiêu hoạt động cơ bản

	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2016
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (=TSLD/Nợ NH)	Lần	1,42	1,07
Hệ số thanh toán nhanh =(TSLD-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,80	0,62
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,51	0,58
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	1,04	1,37
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (= Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Lần	3,11	4,31
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,76	0,50

Hệ số thanh toán tăng lên cho thấy năng lực tài chính của Nhựa Pha Lê tương đối vững chắc, tài sản của công ty có tính thanh khoản cao. Về chỉ tiêu năng lực hoạt động, chỉ số vòng quay hàng tồn kho giảm từ 4,31 năm 2016 xuống còn 3,11 năm 2017 chứng tỏ công ty có khả năng quản trị hàng tồn kho tương đối tốt, hàng hóa được sản xuất ra có khách hàng mua ngay nên tình trạng ứ đọng thành phẩm không phổ biến. Khả năng quay vòng vốn tăng lên từng bước chứng tỏ chất lượng cũng như sản lượng, thời gian giao hàng của công ty khá nhanh chóng, đáp ứng được nhu cầu của khách hàng, tạo nền tảng xây dựng uy tín của công ty với các bạn hàng. Từ đó làm cho doanh thu thuần tăng lên 0,26 lần. Nếu như trong năm 2016, 1 đồng tổng tài sản chỉ kiếm được 0,50 đồng doanh thu thuần thì năm 2017 với sự lãnh đạo đúng đắn, thức thời của ban quản trị công ty, 1 đồng tài sản bỏ ra đã thu về được 0,76 đồng doanh thu thuần. Từ đó có thể thấy hiệu quả từ việc đầu tư cho hoạt động sản xuất đi đúng hướng, thể hiện Nhựa Pha Lê đang trên đà phát triển và có rất nhiều tiềm năng.



1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

3. NGUỒN LỰC TÀI CHÍNH VÀ DÒNG TIỀN

Tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	KH 2017	TH 2017	TH /KH 2017
1	Doanh thu thuần	Triệu Đồng	350.000	314.066	90%
2	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Triệu Đồng	40.000	51.724	129%
3	Cổ tức	%	10		
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	11,4	16,47	144%
5	ROE	%	26,7	33,01	124%

Doanh thu thuần của công ty năm 2017 chưa đạt được kế hoạch như đã đề ra, tuy nhiên nhờ vào việc kiểm soát tốt chi phí mà lợi nhuận sau thuế của công ty đã đạt được kết quả khả quan như trên.

Nguồn vốn

	2015	2016	2017
Nợ phải trả	108.558.765.861	148.698.728.611	211.816.255.988
Vốn chủ sở hữu	101.332.076.636	108.920.425.426	203.623.908.648
Tổng nguồn vốn	209.890.842.497	257.619.154.037	415.440.164.636

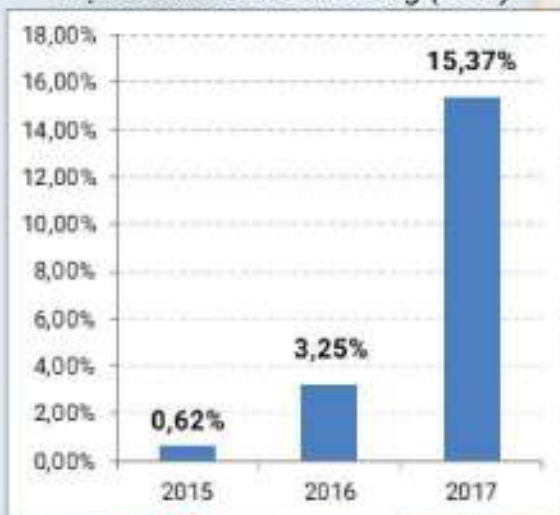
Về cơ cấu vốn trong năm 2017, công ty đã thực hiện tăng vốn chủ sở hữu bằng cách tăng vốn điều lệ của công ty từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng. Với việc tăng quy mô vốn chủ sở hữu liên tục qua các năm, Nhựa Pha Lê dần dần nâng cao nguồn lực tài chính, làm tăng tính chủ động về mặt tài chính cho công ty, giảm tác động của lãi suất, từng bước khẳng định thế mạnh, vị trí của mình trên thị trường và hướng tới một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất chất độn và phụ gia ngành nhựa của Việt Nam.

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

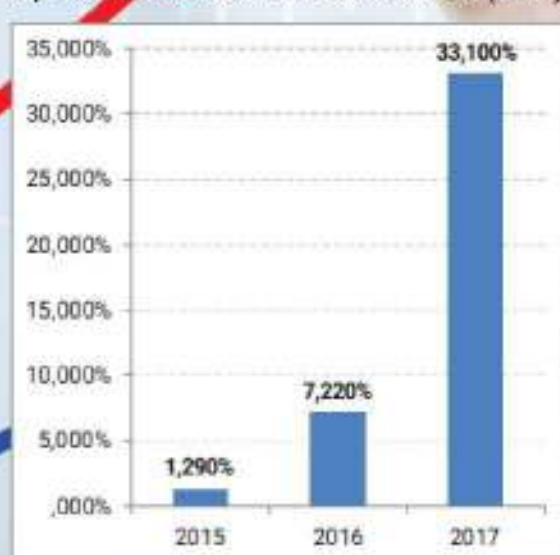
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Đứng đầu là chỉ số ROE tăng trưởng rất nhanh, tăng từ 7.22% năm 2016 lên 33.10% năm 2017 tương đương tăng gần gấp 5 lần. Bên cạnh đó, chỉ số ROA cũng tăng trưởng với tốc độ khá nhanh từ 3.25% năm 2016 lên 15.37% năm 2017 tương đương gần gấp 5 lần cho thấy sự thành công của công ty trong việc tiếp cận thị trường, đẩy nhanh bán hàng làm tăng doanh thu, từ đó làm tăng lợi nhuận. Kể từ tháng 5/2017 với dự kiến niêm yết tại sàn chứng khoán Hồ Chí Minh, dựa trên sự tin tưởng của các cổ đông trong và ngoài nước, PLP đã từng bước khẳng định vị thế cũng như tiềm năng khả quan của mình. Không phụ sự mong đợi của các nhà đầu tư, các chỉ số trên đều tăng trưởng tốt như một lời khẳng định, một lời hứa và cũng là một lời tri ân đến các cổ đông đã tin tưởng và đồng hành cùng Công ty khi công ty từng bước mở rộng quy mô. Đây cũng là một lời mời chào thể hiện tiềm năng lớn trong tương lai đối với các nhà đầu tư còn chưa biết đến công ty giúp mở rộng danh tiếng trên thị trường cổ phiếu cũng như trên thị trường nhựa Việt Nam.

Hệ số sinh lời tài sản ròng (ROA)



Hệ số sinh lời trên vốn chủ sở hữu (ROE)



Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản của công ty tăng mạnh, từ 0.62% năm 2015 lên 15.37% năm 2017. Trong năm 2017, nhằm đảm bảo lành mạnh hóa tình hình tài chính, tránh việc phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng, các cổ đông đã quyết định góp thêm 50 tỷ đồng, tăng vốn điều lệ của Công ty thêm 50%. Số vốn điều lệ tăng thêm được Nhựa Pha Lê sử dụng vào mục đích mua thêm máy móc thiết bị cho dây chuyền sản xuất Filler Masterbatch tại Hải Phòng, cũng như bổ sung một phần vào vốn lưu động. Sau khi tăng vốn, kết quả kinh doanh của Công ty ngày càng khởi sắc, giúp Công ty đảm bảo cân đối tài chính, giảm gánh nặng lãi vay, đồng thời giúp bổ sung nguồn vốn kịp thời để mở rộng quy mô hoạt động nhằm gia tăng lợi nhuận.

Trong năm 2017, tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu đạt 33.10%, tăng gần 5 lần so với năm 2016 và hơn 25 lần so với năm 2015. Điều này chứng tỏ công ty đã sử dụng nguồn vốn hiệu quả để khai thác lợi thế cạnh tranh của mình, gia tăng năng lực sản xuất để phát triển trong điều kiện cạnh tranh ngày càng gay gắt.

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

4. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

4.1. Dự án đầu tư xây dựng xưởng nghiền tuyển đá tại Nghệ An và xây dựng nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch tại Hải Phòng

Hiện nay, Nhựa Pha Lê đang là chủ sở hữu giấy phép khai thác số 3453/GP-UBND ngày 10/08/2015 do UBND tỉnh Nghệ An cấp tại mỏ đá Thung Hung, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An. Tổng diện tích khai thác là 5,24 ha (không bao gồm khu vực phụ trợ). Tổng trữ lượng khai thác bao gồm: 1.407.649 m³ đá hoa làm vật liệu xây dựng thông thường, 120.462 m³ đá hoa trắng làm ốp lát các loại và 168.536 m³ đá hoa trắng làm bột CaCO₃. Tổng công suất khai thác là 120.000 m³/năm với thời gian khai thác là 22 năm tính từ thời điểm cấp phép. Nhằm bắt ưu thế về việc sở hữu quyền khai thác mỏ cùng xu thế thị trường và công nghệ sản xuất, từ năm 2014, Nhựa Pha Lê đã triển khai đầu tư dự án xây dựng xưởng nghiền tuyển đá tại mỏ đá Thung Hung, Quỳnh Hợp, Nghệ An và xây dựng nhà máy sản xuất hạt CaCO₃ Filler Masterbatch tại Hải Phòng. Tính đến thời điểm 31/03/2018, ngoại trừ dây chuyền sản xuất Filler Masterbatch công nghệ mới đang trong quá trình chuyển giao công nghệ, hầu hết hạng mục đầu tư của dự án đã được thực hiện. Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ dây chuyền máy móc lắp đặt của Công ty đều đã đi vào hoạt động và sản xuất ra sản phẩm đạt tiêu, trong đó mảng sản xuất Filler Masterbatch đóng vai trò chủ đạo.

4.2. Dự án đầu tư xây dựng Trung tâm Thương mại dịch vụ, văn phòng và nhà ở tại 69 Vũ Trọng Phụng (dự án Rivera Park)

Công ty thực hiện ủy thác đầu tư với khoản tiền 24 tỷ đồng (sau đó tăng lên 28,5 tỷ đồng trong năm 2017) cho Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch HĐQT - theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 15.02/2015/HTKD PHALE-MTP ký vào tháng 02 năm 2015 với mục đích góp vốn thực hiện dự án Rivera Park. Dự án dự kiến sẽ được hoàn thành và đi vào sử dụng quý II năm 2018.



1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

5. NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

CƠ CẤU TỔ CHỨC

- Tuyển dụng mở rộng đội ngũ nhân sự Công ty từ khối trực tiếp và khối gián tiếp phục vụ sản xuất;
- Bổ nhiệm Phó tổng giám đốc phụ trách nội chính;
- Thành lập thêm ba bộ phận: Kiểm soát nội bộ, Tiếp thị truyền thông và Bộ phận Kỹ thuật và phát triển sản phẩm;
- Tăng cường cán bộ quản lý khối sản xuất tại Nhà máy và Chi nhánh: Tuyển dụng bổ sung 01 Phó giám đốc phụ trách nội chính Nhà máy Hải Phòng, 01 Phó Giám đốc phụ trách khối sản xuất tại Chi nhánh Nghệ An.

- Niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh;
- Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp;
- Bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh;
- Tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100 tỷ lên 150 tỷ đồng;
- Xây dựng và triển khai kế hoạch mở rộng sản xuất tại Công ty:
 - + Xây dựng Nhà máy bột tại Chi nhánh Công ty – Bản Hạp, Châu Tiến, Quỳnh Hợp, Nghệ An với công suất dự kiến 150.000 tấn/năm;
 - + San lấp mặt bằng, cải tạo đường công vụ đoạn vào mỏ tại Bản Hạp, xã Châu Tiến, huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An;
 - + Mở rộng nâng cấp Nhà máy Hải Phòng;

CHÍNH SÁCH HOẠT ĐỘNG

CÔNG TÁC QUẢN LÝ CÔNG TY

- Nâng cao chất lượng đào tạo nội bộ và đào tạo bên ngoài;
- Mở rộng thị trường kinh doanh quốc tế; ký kết thêm nhiều hợp đồng bán hàng lớn và có thêm nhiều khách hàng thường xuyên trong nước và quốc tế;
- Mở rộng quan hệ khách hàng, đối tác kinh doanh;
- Xây dựng và ban hành các quy trình, quy định phục vụ cho sản xuất kinh doanh;
- Xây dựng và áp dụng các biện pháp để quản lý và nâng cao hiệu suất làm việc của CBCNV.

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

6. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC TRONG NĂM 2018

Đánh giá triển vọng phát triển của ngành

- Cạnh tranh trong ngành sẽ gia tăng với sự tham gia của những công ty sản xuất mới, tuy nhiên đầu vào tiếp tục duy trì việc hưởng lợi từ xu hướng giá nguyên liệu toàn cầu và nhu cầu đầu ra ổn định sẽ là động lực chính cho tăng trưởng toàn ngành;
- Khả năng tự chủ nguồn nguyên liệu của ngành nhựa trong nước còn thấp. Trong nước hiện chưa tự sản xuất được PE, sản xuất được 15% nhu cầu PP, 30% nhu cầu PET, 50% nhu cầu PVC;
- Tổng nguyên liệu nhựa sản xuất trong nước chỉ đáp ứng được khoảng 20% nhu cầu mỗi năm, 80% còn lại phụ thuộc nguyên liệu nhập khẩu khiến các doanh nghiệp nhựa trong nước khó chủ động trong kế hoạch sản xuất kinh doanh khi giá nguyên liệu nhập khẩu luôn chịu tác động bởi biến động giá các nhiên liệu hóa thạch như dầu mỏ, khí thiên nhiên hay than đá kèm với đó là vấn đề tỷ giá;
- Việt Nam chủ yếu nhập khẩu nguyên liệu nhựa PE, PP từ Trung Đông, Đông Bắc Á, trong khi đó, PVC chủ yếu được nhập từ các quốc gia Đông Bắc Á như Nhật Bản, Đài Loan và một số quốc gia Đông Nam Á để bù đắp thiếu hụt do trong nước không đáp ứng đủ. Từ 1/1/2017, thuế suất nhập khẩu nguyên liệu nhựa PP tăng từ 1% lên 3% sẽ gây áp lực chi phí đầu vào lên các doanh nghiệp sản xuất bao bì PP trong nước, chính sách này nhằm bảo hộ doanh nghiệp sản xuất nguyên liệu nhựa PP trong nước (Công ty TNHH Lọc hóa dầu Bình Sơn);
- Ngành nhựa trong nước hiện sử dụng 03 công nghệ chính trong sản xuất: ép đúc, thổi/phun và ép đùn. Hầu hết máy móc thiết bị trong ngành đều được nhập khẩu, năm 2015 ngành nhựa nhập khẩu khoảng 715 triệu USD, chủ yếu từ Trung Quốc (38%) và khu vực Đông Bắc Á (44%). Điều này cũng khiến các doanh nghiệp trong ngành đối mặt với rủi ro biến động tỷ giá, nhất là trong thời kỳ tình hình kinh tế-chính trị các nước trên thế giới bất ổn khiến giá trị những đồng ngoại tệ chính biến động;
- Doanh nghiệp FDI có hệ thống trang thiết bị hiện đại, đáp ứng được các yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế;
- Ngành nhựa trong nước có mức độ cạnh tranh tương đối cao khi các doanh nghiệp trong ngành phải chịu sức ép từ phía nhà cung cấp nước ngoài khi phụ thuộc 80% vào nguyên liệu nhập khẩu, thiếu tự chủ về nguồn nguyên liệu khiến các doanh nghiệp càng cần đẩy mạnh chiếm lĩnh thị trường đầu ra nhằm đảm bảo mức lợi nhuận kỳ vọng. Các sản phẩm nhựa mang tính tương đồng cao, lựa chọn của khách hàng đa dạng từ các sản phẩm trong nước và nhập khẩu khiến vị thế của doanh nghiệp đối với khách hàng mục tiêu tương đối thấp. Bên cạnh đó, với quy mô và tiềm năng của thị trường tiêu dùng cũng như cơ sở hạ tầng, ngành nhựa Việt Nam có sức hút tương đối lớn đối với những nhà đầu tư nước ngoài (với công nghệ và nguồn vốn lớn) liên tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư, thâm nhập các doanh nghiệp nhựa trong nước. Điều này cũng đặt ra nhiều thách thức đối với doanh nghiệp nhựa trong nước trước nguy cơ cạnh tranh gia tăng trên chính sân nhà và có thể bị thâm tóm trong tương lai;

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

- Về các doanh nghiệp trong ngành nhựa, hưởng lợi từ giá nguyên liệu đầu vào sụt giảm trong giai đoạn 2015-2016 do giá dầu thế giới giảm, các doanh nghiệp nhựa trong nước mở rộng quy mô, đầu tư trang thiết bị, gia tăng sản lượng và cải thiện đáng kể biên lợi nhuận. Cùng với đó, giai đoạn vừa qua chúng kiến sự hồi phục của thị trường bất động sản-xây dựng, nhu cầu nhà ở, nâng cấp cơ sở hạ tầng là động lực chính cho ngành nhựa xây dựng. Thu nhập bình quân đầu người gia tăng, cơ cấu dân số trẻ kết hợp tỷ lệ đô thị hóa, tỷ lệ dân trung lưu gia tăng và thói quen sử dụng bao bì nhựa là những động lực chính cho ngành nhựa bao bì. Ngành bất động sản được dự báo sẽ đạt đỉnh vào năm 2018 trước khi đi vào giai đoạn bão hòa kết hợp nhu cầu của ngành hàng tiêu dùng được dự báo sẽ tiếp tục ổn định là hai động lực chính cho đầu ra của ngành nhựa trong nước, trọng tâm là nhóm nhựa vật liệu xây dựng và nhựa bao bì.



1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

Dự kiến kế hoạch kinh doanh năm 2018

Dựa trên triển vọng ngành và điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế, định hướng và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc xây dựng kế hoạch kinh doanh 2018 với một số chỉ tiêu cơ bản sau:

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018

Đơn vị: VND

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2018	% tăng giảm so với 2017
1	Doanh thu thuần	420.000.000.000	34%
2	Lợi nhuận sau thuế	61.000.000.000	18%
3	Tỷ lệ cố tức (dự kiến)	20%	-
4	Thu nhập lao động bình quân (người)	8.000.000	15%

1. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc



II. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2017

Thuận lợi:

- Vốn đầu tư toàn xã hội năm 2017 đạt 1.667,4 nghìn tỷ đồng, tăng 12,1% so với năm 2016 và bằng 33,3% GDP;
- GDP Việt Nam năm 2017 tăng 6,81% là mức cao nhất trong 6 năm qua, vượt mục tiêu đề ra. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,0%, trong đó riêng Ngành xây dựng duy trì tăng trưởng khá với tốc độ 8,7% (nguồn: Tổng cục Thống kê);
- Lãi suất cho vay giảm nhẹ và ổn định. Lãi suất cho vay các lĩnh vực sản xuất kinh doanh ở mức 6,8%- 9%/năm đối với ngắn hạn; 9,3% - 11%/năm đối với trung và dài hạn. Về xuất khẩu cả năm 2017, kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 213,77 tỷ USD, tăng 21,1% so với năm 2016, đây là mức tăng cao nhất trong nhiều năm qua (nguồn: Tổng cục thống kê).

Khó khăn:

- Các khoản vay hiện nay của Nhựa Pha Lê chủ yếu là vay dài hạn, với lãi suất dao động ở mức từ 7%/năm đến 10.5%/năm. Mục đích của những khoản vay này chủ yếu để phục vụ việc đầu tư dự án mới của Công ty. Do đó, biến động lãi suất có thể tạo ra gánh nặng tài chính cho doanh nghiệp;
- Ngoài nguyên liệu bột đá CaCO₃ được khai thác trực tiếp trong nước, phần lớn các nguyên liệu đầu vào của Nhựa Pha Lê chủ yếu đến từ nguồn nhập khẩu do đó chi phí nguyên liệu đầu vào chịu ảnh hưởng của biến động tỷ giá;
 - Những năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất hạt nhựa ngày càng gia tăng đáng kể. Hiện nay trên thị trường miền Bắc đang có khoảng 30 nhà sản xuất hạt nhựa Filler Masterbatch hoạt động chủ yếu tại Hà Nam, Hà Nội, Yên Bái. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn đang manh mún và nhỏ lẻ, tuy nhiên vẫn có các doanh nghiệp có khả năng tạo ra áp lực cạnh tranh cho Nhựa Pha Lê.

II. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

2. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2017

Việc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền:

Ban giám đốc về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT;

- Căn cứ quyền hạn, nhiệm vụ được pháp luật và Điều lệ Công ty quy định năm 2017 Hội đồng quản trị đã tổ chức 10 cuộc họp Hội đồng quản trị. Các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát, đôn đốc kịp thời hoạt động của Ban giám đốc thông qua việc giao ban công việc hàng tháng, tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban giám đốc về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT;

- Hội đồng quản trị thường xuyên giám sát chặt chẽ, hỗ trợ kịp thời và đảm bảo hiệu quả hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD trong năm 2017 thông qua các báo cáo, văn bản của Ban giám đốc gửi báo cáo HĐQT; Xem xét, giám sát báo cáo tài chính của Ban giám đốc Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban giám đốc trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh;

- Việc tổ chức các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị từ thông báo mời họp, chương trình nghị sự, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ quyết định tại cuộc họp cũng như các cuộc họp không trực tiếp theo hình lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua quyết định từ thể thức, nội dung và tài liệu liên quan đều được Hội đồng quản trị thực hiện đúng theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

- Những vấn đề Hội đồng quản trị bàn thảo, quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại bằng biên bản; các quyết định Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được ban hành bằng Nghị quyết để cơ quan điều hành thực hiện và được lưu giữ đầy đủ, đúng quy định;

- Trên cơ sở các tài liệu được chuẩn bị chi tiết, chu đáo của cơ quan điều hành và được gửi trước, với tinh thần trách nhiệm cao của mỗi thành viên nên các quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua sát với yêu cầu thực tiễn sản xuất kinh doanh của Công ty đặt ra; tất cả các quyết định được thông qua với tỷ lệ 100% thành viên tham gia dự họp tán thành.

Công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị thực hiện quyền giám sát đối với Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý thông qua việc đánh giá kiểm điểm kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao trong các Nghị quyết. Tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc phải trình bày báo cáo và kiểm điểm kết quả thực hiện Nghị quyết liên quan đến nhiệm vụ mình phụ trách. Năm 2017, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để điều hành. Cơ quan điều hành đã đưa ra nhiều giải pháp khắc phục khó khăn, đẩy mạnh sản lượng tiêu thụ và thực hiện tiết giảm các định mức trong sản xuất.

II. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

3. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát hoạt động của Ban giám đốc thông qua các chức năng chính:

- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng trong năm mà Tổng Giám đốc và những người điều hành khác đã cam kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của Hội đồng quản trị;
- Phối hợp với Ban Kiểm soát nắm rõ tình hình hoạt động của Công ty để từ đó có những kiến nghị thiết thực giúp Tổng Giám đốc và người điều hành khác hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị giao;
- Tích cực tham gia vào các buổi họp các buổi họp định kỳ khác của Ban giám đốc nhằm theo sát các hoạt động kinh doanh của Công ty.

Đánh giá chung

- Hội đồng quản trị đánh giá cao nỗ lực của Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cùng toàn thể Cán bộ công nhân viên trong công tác sản xuất và tiêu thụ sản phẩm có những chính sách bán hàng linh động, được điều chỉnh kịp thời, phù hợp với từng thị trường giúp công ty ký được nhiều đơn hàng mới, tăng sản lượng sản xuất và thu lợi nhuận cao. Hình thành các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận.
- Hội đồng quản trị đánh giá cao công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc, hết sức tin tưởng vào năng lực quản lý và phẩm chất đạo đức của các thành viên Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện định hướng chiến lược của công ty, cụ thể:
 - + Xây dựng kế hoạch, thực hiện triển khai những chiến lược HĐQT đưa ra định hướng một cách nhanh chóng và hiệu quả.
 - + Linh hoạt trong công tác điều hành.
 - + Công khai minh bạch; công bố tin tức chính xác, kịp thời.
 - + Báo cáo trung thực mọi hoạt động kinh doanh của ban điều hành và hoạt động của công ty cho HĐQT.
 - + Triển khai thực hiện việc xây dựng dự án công ty theo đúng tiến độ đã được phê duyệt.

II. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

4. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Về nhân sự:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê nhiệm kỳ có 05 thành viên gồm: trong đó có 02 thành viên Hội đồng quản trị điều hành, 02 thành viên Hội đồng quản trị không điều hành và 01 thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Dương Quang Thắng	Thành viên HĐQT điều hành
3	Ông Đặng Tiến Thành	Thành viên HĐQT không điều hành
4	Ông Lê Thạc Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Ông Nguyễn Hồ Hưng	Thành viên HĐQT độc lập

Về tổ chức các cuộc họp HĐQT:

Trong năm 2017, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức các cuộc họp trực tiếp. Các cuộc họp đều đã được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp.

Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập đảm bảo đúng hình thức theo quy định của pháp luật; hồ sơ, tài liệu đã được gửi đầy đủ đến các thành viên tham dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước theo đúng quy định của Điều lệ.

Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017:

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	10/10	100%
2	Ông Dương Quang Thắng	Thành viên HĐQT điều hành	10/10	100%
3	Ông Đặng Tiến Thành	Thành viên HĐQT không điều hành	10/10	100%
4	Ông Lê Thạc Tuấn	Thành viên HĐQT không điều hành	10/10	100%
5	Ông Nguyễn Hồ Hưng	Thành viên HĐQT độc lập	10/10	100%

11. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị



II. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

Mục tiêu hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2018

Mục tiêu

- Xây dựng Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sử dụng hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn về tài chính, công nghệ và thị trường;
- Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, đồng thời xây dựng đội ngũ quản lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi.

Định hướng

- Sát sao chỉ đạo, giám sát, quản lý để nhà máy Hải Phòng và Nghệ An hoạt động ngày càng hiệu quả, doanh thu tăng nhưng tỷ trọng chi phí giảm, đồng thời đảm bảo các yêu cầu về môi trường và quản lý, giải quyết việc làm cho người lao động địa phương và tăng quy mô vị thế của Công ty trên thị trường;
- Nâng cao quy mô, mở rộng nhà máy tại Hải Phòng và Nghệ An, mục tiêu gấp đôi năng lực sản xuất hai nhà máy vào cuối năm 2018;
- Tiếp tục phát huy thế mạnh và vị thế của các sản phẩm truyền thống trên thị trường; nghiên cứu cho ra nhiều dòng sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của thị trường;
- Đa dạng các sản phẩm đầu ra của Công ty để đáp ứng nhu cầu thị trường, đặc biệt chú trọng vào việc tận thu nguồn nguyên liệu để sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng để tận dụng sự phát triển của thị trường bất động sản, nâng cao sức cạnh tranh của Công ty;
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, cải tiến kỹ thuật, tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao năng suất làm việc, cập nhật số liệu sản xuất kinh doanh một cách kịp thời, qua đó góp phần tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đồng thời hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc kịp thời trong các quyết định sản xuất kinh doanh hàng ngày;
- Tiếp tục nâng cao đời sống và thu nhập cho người lao động, cải thiện môi trường làm việc để Nhựa Pha Lê luôn là môi trường hấp dẫn và nâng cao sức sáng tạo, cống hiến, gắn bó của người lao động với Công ty.



Quản trị doanh nghiệp

- I. Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
- II. Giới thiệu ban lãnh đạo
- III. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông
- IV. Hoạt động của Hội đồng quản trị
- V. Hoạt động của Ban kiểm soát
- VI. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BGD, BKS
- VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thẻ điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

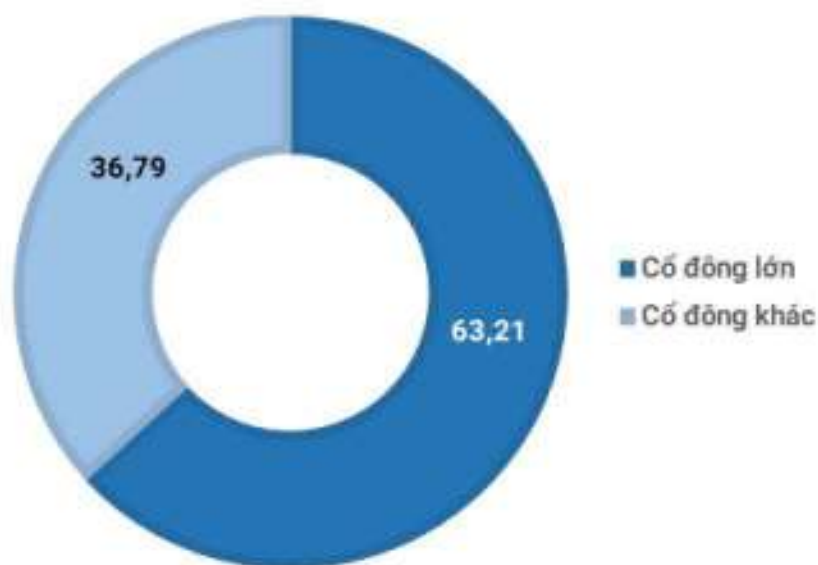


1. Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

Thông tin cổ phiếu

Thông tin cổ phiếu	
Vốn điều lệ	150 tỷ đồng
Số lượng cổ phiếu niêm yết	15.000.000 cổ phiếu
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông
Số lượng cổ phiếu lưu hành	15.000.000 đồng
Mệnh giá	10.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê



1. Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018538 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp lần đầu ngày 18/11/2008, vốn điều lệ thành lập của Nhựa Pha Lê là 100 tỷ đồng. Trong quá trình hoạt động, Công ty có một lần tăng vốn lên 150 tỷ đồng vào năm 2017.

Chi tiết về đợt tăng vốn như sau:

- Vốn điều lệ trước phát hành: 100.000.000.000 đồng
- Mệnh giá: 1.000.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phần trước phát hành: 100.000 cổ phần
- Tổng số lượng cổ phần phát hành: 50.000 cổ phần
- Vốn điều lệ sau phát hành: 150.000.000.000 đồng
- Tổng số lượng cổ phần sau phát hành: 150.000 cổ phần (công ty thực hiện đổi mệnh giá cổ phần từ 1.000.000 đồng xuống còn 10.000 đồng sau khi tăng vốn, làm tăng số lượng cổ phần sau phát hành lên 15.000.000 cổ phần)
- Số lượng cổ đông trước phát hành: 5 cổ đông
- Số lượng cổ đông sau phát hành chốt đến thời điểm 31/08/2018: 358 cổ đông



II. Giới thiệu ban lãnh đạo



II. Giới thiệu ban lãnh đạo



II. Giới thiệu ban lãnh đạo

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Ông Mai Thanh Phương - Chủ tịch hội đồng quản trị

- Năm sinh: 23/07/1971
- Số CMND: 030071000108, ngày cấp: 31/03/2015, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 17 ngõ 117 Thái Hà, Trung Liệt, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ:
 - o Kỹ sư ngành Địa chất trường Đại học Mỏ - Địa chất
 - o Cử nhân Kinh tế ngành Kinh doanh thương mại trường Đại học Kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1995 – 1999	Công ty Seaprodex Quảng Ninh	Quản lý bán hàng thị trường tại khu vực phía Bắc
2000 – 2004	Công ty TNHH Thương mại vận tải du lịch	Giám đốc
2005 – 2007	Công ty Cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Giám đốc
2007 – 03/2014	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2012 – 2013	Công ty CP Khoáng sản & Xây dựng 30/4 – Cao Bằng	Giám đốc Điều hành Mỏ
04/2017 – nay	Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô thị Long Giang	Thành viên HĐQT
02/2014 – nay	Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Chủ tịch HĐQT

II. Giới thiệu ban lãnh đạo

2. Ông Dương Quang Thăng – Thành viên hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 09/06/1972
- Số CMND: 027072000074, ngày cấp: 09/04/2015, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 24 – Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội
- Trình độ: Cử nhân ngành Luật trường Đại học Luật Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 – 2001	Công ty PT KTQT Anh Vũ, Hà Nội	Giám đốc kinh doanh
2001 – 2005	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
2005 – 2014	Công ty ĐTTM và XNK Kinh Bắc	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2014 – nay	Công ty TCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

II. Giới thiệu ban lãnh đạo

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

3. Ông Đặng Tiến Thành – Thành viên hội đồng quản trị

- Năm sinh: 28/11/1978
- Số CMND: 024078000138, ngày cấp: 02/02/2016, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.
- Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 29, Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội
- Trình độ: Kỹ sư vận tải ngành Kỹ thuật khai thác kinh tế vận tải trường Đại học Giao thông vận tải
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
04/2002 – 08/2008	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafaco	Chuyên viên phụ trách
09/2008 – 06/2014	Công ty TNHH Tiếp vận Vinafaco	Giám đốc
07/2014 - nay	Tổng Giám đốc Công ty CP Timescom Toàn cầu	Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc
07/2014 - nay	Công ty CP Timescom Khiết Phong	Chủ tịch HĐQT
05/2016 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT

II. Giới thiệu ban lãnh đạo

4. Ông Nguyễn Hồ Hưng - Thành viên hội đồng quản trị

- Năm sinh: 16/08/1970
- Số CMND: 00107000022, ngày cấp: 25/03/2013, nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH
- Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 17, cụm 3, Tứ Liên, Tây Hồ, Hà Nội
- Trình độ: Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2007 - 2013	Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Á	Tổng giám đốc
2008 - 2011	Công ty Cổ phần Khoáng sản Tây Giang	Thành viên HĐQT
2009 - 2011	Công ty TNHH CKC	Chủ tịch thành viên
09/2012 - nay	Công ty TNHH khai thác và chế biến khoáng sản Barit Cao Bằng	Chủ tịch HĐQT
05/2013 - nay	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Phát	Chủ tịch HĐQT
04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT độc lập

II. Giới thiệu ban lãnh đạo

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5. Ông Lê Thạc Tuấn - Thành viên hội đồng quản trị

- Năm sinh: 28/10/1971
- Số CMND: 040071000162, ngày cấp: 14/10/2016, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 240 phố Bạch Đằng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Trình độ:
 - o Kỹ sư mỏ - Trường ĐH Mỏ địa chất
 - o Cử nhân kinh tế - Trường ĐH Kinh tế quốc dân
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
Từ 09/1993 – 12/1996	Công ty phát triển khoáng sản – Bộ công nghiệp	Kỹ sư
Từ 01/1997 – 11/1997	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- Công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Trưởng phòng kế hoạch
Từ 12/1997 – 07/1999	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- Công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Phó giám đốc
Từ 08/1999 – 07/2001	Xí nghiệp đá ốp lát Medico Hà Nội- thuộc công ty khoáng sản – Bộ công nghiệp	Giám đốc
Từ 08/2001 – 03/2003	Công ty phát triển khoáng sản – Bộ công nghiệp	Trưởng phòng kỹ thuật
Từ 04/2003 – 02/2005	Tổng hội đồng địa chất	Phó Giám đốc Trung tâm đá thiên nhiên
Từ 03/2005 – 01/2008	Công ty cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Phó Giám đốc
Từ 01/2005 - nay	Công ty cổ phần Điện gia dụng Nagakawa	Giám đốc
Từ 01/2017 - nay	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT

revenue

business

innovation

stra

partner

process

ma

Vision

risk

management

gro

education

train

planning

solution

tea

people

customer

an

II. Giới thiệu ban lãnh đạo

2. BAN GIÁM ĐỐC

1. Ông Dương Quang Thăng – Thành viên hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 09/06/1972
- Số CMND: 027072000074, ngày cấp: 09/04/2015, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Tổ 24 – Trung Hòa – Cầu Giấy – Hà Nội
- Trình độ: Cử nhân ngành Luật trường Đại học Luật Hà Nội
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1999 – 2001	Công ty PT KTQT Anh Vũ, Hà Nội	Giám đốc kinh doanh
2001 – 2005	Công ty Cổ phần Nagakawa Việt Nam	Phó Tổng giám đốc
2005 – 2014	Công ty ĐTTM và XNK Kinh Bắc	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2014 – nay	Công ty TCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

II. Giới thiệu ban lãnh đạo

2. Bà Trần Hải Yến – Phó Tổng Giám đốc

- Năm sinh: 04/10/1980
- Số CMND: 001180013236, ngày cấp: 16/08/2016, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: P415 - H3, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ: Đại học
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
02/2006 – 11/2009	Văn phòng đại diện Công ty Geotech International	Thư ký
12/2009 – 03/2013	Công ty TNHH Tat hong VietNam – TAT HONG Holding group	Trợ lý Giám đốc điều hành
04/2013 – 09/2015	Công ty Cổ phần Khoáng sản Pha Lê	Trợ lý Chủ tịch HĐQT kiêm TP HCNS
09/2015 - 10/2016	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Long Giang	Trợ lý Tổng giám đốc
10/2016 – 05/2017	Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Đô thị Long Giang	TP. Tiếp thị & Truyền thông
06/2017 - nay	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Phó Tổng giám đốc

II. Giới thiệu ban lãnh đạo

2. BAN GIÁM ĐỐC

3. Bà Trịnh Thị Bội Giao – Kế toán trưởng

- Năm sinh: 18/03/1976
- Số CMND: 036176003564, ngày cấp: 11/04/2017, nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQC về dân cư.
- Nơi sinh: Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: Số 38A tổ 45D, Khương Mai, Thanh Xuân, Hà Nội
- Trình độ: Cử nhân kinh tế - Đại học Thương Mại
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2005 - 2012	Công ty CP Pidenza Việt Nam	Phó phòng kế toán
2012- 04/2017	Công ty CP G&P Mama sữa non	Trưởng phòng kế toán
06/2017 - 9/2017	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Trưởng Ban kiểm soát
9/2017-Nay	Công ty CP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Kế toán trưởng

II. Giới thiệu ban lãnh đạo

3. BAN KIỂM SOÁT

1. Bà Vũ Ngọc Thúy – Trưởng Ban kiểm soát

- Năm sinh: 14/04/1989
- Số CMND/Hộ chiếu: B5370447, nơi cấp: Cục Quản lý xuất nhập cảnh, ngày cấp: 01/06/2011
- Nơi sinh: Hải Dương
- Địa chỉ thường trú: 19 - 12A - T4 Times City, Minh Khai, Hà Nội
- Trình độ: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/2013 - nay	Công ty TNHH Mazars Việt Nam, Hà Nội	Kiểm toán viên
04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Trưởng Ban Kiểm soát

2. Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thành viên Ban kiểm soát

- Năm sinh: 11/11/1991
- Số CMND: 125546783, nơi cấp: Bắc Ninh, ngày cấp: 10/12/2009
- Nơi sinh: Bắc Ninh
- Địa chỉ thường trú: P3 – A4 Khu biệt thự Trung Tự, Đống Đa, Hà Nội
- Trình độ: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2015 – nay	Công ty ĐTTM và XNK Kinh Bắc	Kế toán
04/2017 - nay	CTCP Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê	Thành viên Ban kiểm soát

III. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM CỦA ĐHĐCĐ

Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
160/NQ-PLP-NY	27/04/2017	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua chủ trương đăng ký niêm yết cổ phiếu của Công ty trên Sàn Giao dịch Chứng khoán- Ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện một số công việc cần thiết liên quan tới hồ sơ đăng ký niêm yết
160/2017/QĐ-ĐHĐCĐ	27/04/2017	<ul style="list-style-type: none">- Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh quý I/2017- Thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2017- Thông qua việc niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)- Miễn nhiệm HĐQT hiện tại- Bầu thành viên HĐQT- Đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp- Bổ sung thêm ngành, nghề kinh doanh- Đăng ký thay đổi vốn điều lệ- Thay đổi mệnh giá cổ phần- Sửa đổi nội dung điều lệ công ty

IV. Hoạt động của Hội đồng quản trị

1. CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM CỦA HĐQT

Số Quyết định	Ngày	Nội dung
60/2017/QĐ-PL	28/02/2017	Quyết định thông qua ngày dự kiến họp ĐHĐCĐ và nội dung chương trình họp
100/2017/QĐ-PL	09/06/2017	Bổ nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc đối với Bà Trần Hải Yến
169/2017/QĐ-PL	25/09/2017	Miễn nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Bà Nguyễn Thị Tú
171/2017/QĐ-PL	25/09/2017	Bổ nhiệm chức danh Kế toán trưởng đối với Bà Trịnh Thị Bội Giao
217/2017/QĐ-PL	05/10/2017	Mở rộng sản xuất và thành lập hai Ban Quản lý dự án

2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT VỚI BAN GIÁM ĐỐC TRONG NĂM

Hội đồng quản trị thực hiện hoạt động giám sát đối với Ban Giám đốc thông qua việc báo cáo định kỳ của Ban Giám đốc gửi cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị luôn theo dõi sát sao và chỉ đạo kịp thời khi có những công việc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh và bộ máy tổ chức của công ty, phù hợp với các quy định của Công ty và Pháp luật hiện hành.

V. Hoạt động của Ban kiểm soát

1. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT TRONG NĂM ĐỐI VỚI HĐQT, BAN GIÁM ĐỐC, CỔ ĐÔNG

- Theo dõi và giám sát các cuộc họp của Hội đồng quản trị;
- Trưởng Ban kiểm soát đã chỉ đạo kiểm soát viên bám sát tình hình hoạt động của Công ty;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, quý của Phòng tài chính kế toán trước khi trình Hội đồng quản trị;
- Giám sát việc thực thi pháp luật, chấp hành tốt nghĩa vụ của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật như các nghĩa vụ về thuế, BHXH, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước cũng như với người lao động.

2. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu /không còn là Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Bà Vũ Ngọc Thúy	Thành viên BKS	27/04/2017 (Trưởng ban Kiểm soát từ ngày 25/09/2017)	03/03	100%	
2	Bà Trần Thị Thanh Thúy	Thành viên BKS	27/04/2017	03/03	100%	
3	Bà Trịnh Thị Bội Giao	Trưởng BKS	27/04/2017 25/09/2017	02/03	67%	Thôi không còn là thành viên BKS

VI. Giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, BKS

Tên Cơ quan	Mức thù lao năm 2017
Hội đồng quản trị	500.000.000 VNĐ
Ban kiểm soát	60.000.000 VNĐ

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với Công ty	Số lượng, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu sau khi giao dịch
1	PYN Elite Fund	CA 5604 cấp ngày 15/12/2011 tại Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam	PL 139, 00101 Helsinki, Finland	12/10/2017	1.681.200 CP 11,21%
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Hà Nội	66/UBCK-GP	Tầng 3, TTHN Công đoàn, 01 Yết Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội	08/09/2017	1.400.000 CP 9,33%

VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
A. Quyền của cổ đông					
A.3.1	Cổ đông có cơ hội, thể hiện bởi nội dung trên chương trình nghị sự, thông qua thủ lao (phí, trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thủ lao khác), hoặc mọi khoản tăng thủ lao cho thành viên/ ủy viên HĐQT không điều hành?	✓	✓	✓	
A.3.2	Công ty có cho phép cổ đông bầu chọn từng thành viên/ủy viên Hội đồng quản trị?	✓	✓	✓	
A.3.3	Công ty có công bố thủ tục đề cử và biểu quyết được sử dụng, công bố cả hai thủ tục này trước khi đại hội tiến hành?	✓	✓	✓	
A.3.4	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận rằng cổ đông có cơ hội đặt câu hỏi hoặc kiến nghị các vấn đề?	✓	✓		
A.3.5	Biên bản họp ĐHĐCĐ mới nhất có ghi nhận các câu hỏi và câu trả lời	✓			
A.3.6	Việc công bố kết quả của ĐHĐCĐ mới nhất có bao gồm (các) nghị quyết đại hội	✓	✓	✓	
A.3.7	Công ty có công bố kết quả bầu chọn bao gồm số phiếu thông qua, phân đối, và phiếu trống cho mỗi nội dung dự thảo lấy ý kiến của ĐHĐCĐ gần nhất	✓	✓		
A.3.8	Công ty có công bố danh sách thành viên HĐQT tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	✓		
A.3.10	Chủ tịch HĐQT có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	✓		
A.3.11	TGD/Giám đốc Điều hành/Chủ tịch có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?	✓	✓		
A.3.12	Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm toán có tham dự ĐHĐCĐ gần nhất?				
A.3.13	Công ty có tổ chức ĐHĐCĐ gần nhất ở địa điểm dễ tới?	✓	✓		
A.3.14	Công ty có cho phép biểu quyết vắng mặt?	✓			
A.3.15	Công ty có biểu quyết theo số phiếu cổ đông (không phải bằng cách giơ tay) đối với mọi nghị quyết tại ĐHĐCĐ mới nhất?	✓	✓		

VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
A.3.16	Công ty có công bố việc đã bổ nhiệm một bên độc lập (người kiểm tra phiếu bầu/thanh tra) để đếm và/hoặc thẩm định phiếu bầu tại ĐHĐCĐ?				
A.3.17	Công ty có công bố công khai vào ngày làm việc tiếp theo kết quả biểu quyết đối với tất cả nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất?	✓			
A.3.18	Công ty có thông báo trước tối thiểu 21 ngày đối với tất cả nghị quyết?	✓			
A.3.19	Công ty có cung cấp cơ sở, thông tin và giải trình cho mỗi mục trong dự thảo nghị quyết cần được cổ đông thông qua trong thông báo về ĐHĐCĐ/ tài liệu ĐHĐCĐ/Dự thảo và/hoặc các báo cáo đính kèm?				
A.5.1	Công ty có công bố công khai chính sách/ thực hành nhằm khuyến khích cổ đông, bao gồm cổ đông tổ chức, tham dự đại hội cổ đông hoặc tham gia và đóng góp cho hoạt động của Công ty?	✓			
B Đối xử bình đẳng với cổ đông					
B.1.1	Mỗi cổ phiếu phổ thông của công ty có một phiếu biểu quyết?	✓			
B.1.2	Trong trường hợp công ty có nhiều hơn một loại cổ phiếu, Công ty có công bố số phiếu biểu quyết gắn với mỗi loại cổ phiếu (vd: thông qua website/báo cáo/sổ giao dịch chứng khoán/trang chủ của cơ quan quản lý)?	✓			
B.2.1	Mỗi nghị quyết trong ĐHĐCĐ gần nhất chỉ liên quan đến một nội dung của dự thảo nghị quyết, nghĩa là không gộp nhiều nội dung vào trong cùng một nghị quyết?				
B.2.2	Thông báo và tài liệu ĐHĐCĐ gần nhất có được dịch đầy đủ sang tiếng Anh và công bố vào cùng ngày với tài liệu theo ngôn ngữ địa phương?				
B.2.3	Có cung cấp tiêu sử của thành viên/ủy viên HĐQT (tối thiểu là tuổi, trình độ chuyên môn, ngày bổ nhiệm đầu tiên, kinh nghiệm, và nhiệm kỳ thành viên HĐQT trong các công ty niêm yết khác) sẽ được bầu chọn/bầu chọn lại?	✓			
B.2.4	Kiểm toán viên chuẩn bị được bầu chọn/bầu chọn lại có được xác định rõ ràng?	✓			
B.2.5	Có giải thích về chính sách cổ tức không?	✓			
B.2.6	Khoản phải trả cho cổ tức cuối cùng có được công bố công khai?	✓			
B.2.7	Giấy ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ được cung cấp dễ dàng?	✓			

VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu v nếu có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu v nếu có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu v nếu có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu v nếu có)
B.3.2	Thành viên HĐQT có được yêu cầu phải báo cáo giao dịch cổ phiếu công ty trong vòng 3 ngày làm việc?	✓			
B.5.2	Công ty có công bố về việc GDBLQ được thực hiện theo cách đảm bảo rằng những giao dịch đó là hợp lý và theo cơ chế thị trường?				
C Vai trò của các bên có quyền liên quan					
C.1.1	Ban hành các qui định và thực thi nỗ lực nhằm bảo vệ khách hàng?	✓			
C.1.2	Giải thích qui trình và hoạt động lựa chọn nhà cung cấp/nhà thầu?	✓			
C.1.3	Mô tả nỗ lực của công ty nhằm bảo đảm chuỗi giá trị của công ty thân thiện với môi trường hoặc phù hợp với việc thúc đẩy phát triển bền vững ?	✓			
C.1.4	Mô tả nỗ lực của công ty trong việc tương tác với cộng đồng nơi công ty hoạt động?				
C.1.5	Mô tả chương trình và quy trình phòng chống tham nhũng của công ty?				
C.1.6	Mô tả cách bảo vệ quyền lợi của chủ nợ?				
C.1.7	Sức khỏe và sự an toàn của khách hàng	✓			
C.1.8	Lựa chọn và tiêu chí đối với nhà cung cấp/nhà thầu	✓			
C.1.9	Chuỗi giá trị thân thiện với môi trường	✓			
C.1.10	Tương tác với cộng đồng	✓			
C.1.11	Chương trình và quy trình phòng chống tham nhũng				
C.1.12	Quyền lợi của chủ nợ				
C.1.13	Công ty có mục/báo cáo riêng về trách nhiệm công ty hay mục/Báo cáo Bền vững?	✓			

VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu v nếu có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu v nếu có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu v nếu có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu v nếu có)
C.2.1	Công ty có cung cấp thông tin liên hệ trên website của công ty hay Báo cáo Thường niên để các bên có quyền lợi liên quan (vd: khách hàng, nhà cung cấp, công chúng...) có thể sử dụng để lên tiếng về lo ngại và/hoặc khiếu kiện về những vi phạm có thể xảy ra đối với quyền lợi của họ?	✓	✓	✓	
C.3.1	Công ty có công bố rõ ràng chính sách về sức khỏe, an toàn, và bảo vệ cho nhân viên?	✓	✓	✓	
C.3.2	Công ty có công bố thông tin liên quan về các chương trình sức khỏe, an toàn, và bảo vệ cho nhân viên?	✓	✓		
C.3.3	Công ty có chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	✓	✓		
C.3.4	Công ty có công bố thông tin liên quan về chương trình đào tạo và phát triển cho nhân viên?	✓			
C.4.1	Công ty có quy trình khiếu nại dành cho nhân viên về hành vi không hợp pháp (kể cả tham nhũng) hoặc không phù hợp đạo đức?	✓			
C.4.2	Công ty có chính sách hay thủ tục để bảo vệ nhân viên/cá nhân khỏi bị trả đũa vì đã tiết lộ hành vi không hợp pháp/không phù hợp đạo đức?	✓			
D	Công bố thông tin và minh bạch				
D.1.1	Thông tin về cổ đông có lợi ích danh tính của chủ sở hữu thực sự, nắm giữ 5% cổ phần trở lên?	✓			
D.1.5	Công ty có công bố chi tiết về công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh và doanh nghiệp/công ty có mục đích đặc biệt (SPE)/ (SPV)?	✓			
D.2.1	Rủi ro chính				
D.2.2	Mục tiêu của công ty	✓			
D.2.3	Chỉ số hiệu quả tài chính	✓			
D.2.4	Chỉ số hiệu quả phi tài chính	✓			
D.2.5	Chính sách cổ tức	✓			

VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu v nếu có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu v nếu có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu v nếu có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu v nếu có)
D.2.7	Chi tiết tiêu sử (tối thiểu tuổi, trình độ, ngày đầu bổ nhiệm, kinh nghiệm phù hợp, và bất kỳ thành viên HĐQT nào khác của các công ty niêm yết) của thành viên HĐQT	✓			
D.2.8	Đào tạo và/hoặc chương trình đào tạo liên tục mà mỗi thành viên HĐQT tham gia	✓			
D.2.9	Số cuộc họp thành viên HĐQT được thực hiện trong năm	✓			
D.2.10	Chi tiết về tham gia của mỗi thành viên HĐQT liên quan đến các cuộc họp đã thực hiện				
D.2.11	Chi tiết về thù lao của mỗi thành viên HĐQT	✓			
D.2.12	Báo cáo thường niên có phát biểu, tuyên bố khẳng định sự tuân thủ đầy đủ của công ty với quy tắc quản trị công ty và trong trường hợp có tình trạng không tuân thủ, có xác định rõ và giải thích lý do cho mỗi vấn đề đó không?				
D.3.2	Công ty có công bố tên của bên liên quan và mối quan hệ cho mỗi GDBLQ trong yếu/quan trọng?	✓			
D.3.3	Công ty có công bố bản chất và giá trị của mỗi GDBLQ trong yếu/quan trọng?				
D.4.1	Công ty có công bố giao dịch cổ phiếu của công ty do người trong công ty thực hiện?				
D.5.1	Phí kiểm toán có được công bố công khai?				
D.5.2	Phí dịch vụ phi kiểm toán có được công bố công khai?				
D.5.3	Phí dịch vụ phi kiểm toán có cao hơn phí dịch vụ kiểm toán?				
D.6.1	Báo cáo quý	✓			
D.6.2	Website của công ty	✓			
D.6.3	Ý kiến của chuyên gia phân tích				
D.6.4	Thông tin trên phương tiện truyền thông/hợp báo	✓			

VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu v nếu có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu v nếu có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu v nếu có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu v nếu có)
D.7.1	Báo cáo tài chính năm đã kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	✓			
D.7.2	Báo cáo thường niên có được công bố công khai trong vòng 120 ngày kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính?	✓			
D.7.3	Sự trung thực và hợp lý của báo cáo tài chính năm có được thành viên HĐQT và/hoặc ban điều hành công ty khẳng định?	✓		✓	
D.8.1	Hoạt động kinh doanh	✓		✓	
D.8.2	Báo cáo Tài chính (năm hiện tại và các năm trước đó)	✓		✓	
D.8.3	Tài liệu được cung cấp trong các báo cáo gửi chuyên gia phân tích và cơ quan truyền thông				
D.8.4	Cấu trúc sở hữu	✓		✓	
D.8.5	Cấu trúc tập đoàn	✓		✓	
D.8.6	Báo cáo thường niên có thể được tải về	✓		✓	
D.8.7	Thông báo ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓		✓	
D.8.8	Biên bản họp ĐHĐCĐ và/hoặc ĐHCĐ bất thường	✓		✓	
D.8.9	Thể chế của công ty (văn bản quy định nội bộ, bản ghi nhớ và điều lệ thành lập của công ty)	✓		✓	
D.9.1	Công ty có công bố thông tin liên hệ (vd: số điện thoại, fax, và email) của lãnh đạo/bộ phận chịu trách nhiệm về quan hệ nhà đầu tư?	✓			
E Trách nhiệm của hội đồng quản trị					
E.1.1	Công ty có công bố chính sách quản trị công ty / điều lệ hoạt động của HĐQT?	✓			
E.1.2	Các loại quyết định phải có cơ phê duyệt của thành viên HĐQT có được công bố công khai?	✓			

VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
E.1.3	Vai trò và trách nhiệm của thành viên HĐQT có được quy định rõ ràng?	✓			
E.1.4	Công ty có tuyên bố về tầm nhìn và sứ mệnh?	✓			
E.1.5	HĐQT có xem xét tầm nhìn và sứ mệnh/chiến lược trong năm tài chính gần nhất?	✓			
E.1.6	Thành viên HĐQT có giám sát/theo dõi việc thực hiện chiến lược của công ty?	✓			
E.2.1	Chi tiết của Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử có được công bố công khai?				
E.2.2	Công ty có công bố về việc tất cả thành viên HĐQT, lãnh đạo cấp cao và nhân viên phải tuân thủ bộ quy tắc?				
E.2.3	Công ty có công bố cách thực hiện và giám sát việc tuân thủ Bộ Quy tắc Đạo đức hoặc Ứng xử?				
E.3.1	Họp HĐQT có được lập kế hoạch trước khi bắt đầu năm tài chính?				
E.3.2	Thành viên HĐQT có họp tối thiểu sáu lần trong năm?				
E.3.3	Mỗi thành viên HĐQT có tham dự tối thiểu 75% số cuộc họp HĐQT trong năm?	✓			
E.3.4	Công ty có yêu cầu cần có 2/3 thành viên HĐQT tham dự họp trong các cuộc họp có thông qua nghị quyết HĐQT?	✓			
E.3.5	Thành viên HĐQT không điều hành của công ty có họp riêng tối thiểu một lần trong năm mà không có mặt các thành viên điều hành?				
E.3.6	Vấn bản cho các cuộc họp HĐQT có được cung cấp cho HĐQT tối thiểu năm ngày làm việc trước cuộc họp HĐQT?				
E.3.7	Thư ký công ty có đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ HĐQT thực hiện trách nhiệm?				
E.3.8	Thư ký công ty có được đào tạo về pháp lý, kế toán hay thực hành công tác thư ký công ty?				
E.3.12	Công ty có công bố chính sách/thông lệ về thù lao (phi trợ cấp, trợ cấp bằng hiện vật và các khoản thù lao khác) (nghĩa là việc sử dụng các chính sách và biện pháp khuyến khích hiệu quả ngắn và dài hạn) đối với thành viên HĐQT điều hành và TGD?				

VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
E.3.13	Cơ cấu thù lao cho thành viên HĐQT không điều hành có được công bố công khai?			✓	
E.3.14	Cổ đông hay HĐQT có thông qua thù lao của thành viên HĐQT điều hành và/hoặc lãnh đạo cấp cao?				
E.3.19	Công ty có công bố quy trình kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro mà công ty đang thực hiện?				
E.3.20	Báo cáo thường niên có công bố rằng thành viên HĐQT đã rà soát các chốt kiểm soát trọng yếu của công ty (bao gồm các chốt kiểm soát về hoạt động, tài chính và tuân thủ) và các hệ thống quản lý rủi ro?				
E.3.21	Công ty có công bố cách thức quản lý các rủi ro chủ yếu?				
E.3.22	Báo cáo thường niên có trình bày tuyên bố của thành viên HĐQT hay Tiểu ban Kiểm toán về sự đầy đủ của các chốt kiểm soát nội bộ/hệ thống quản lý rủi ro của công ty?	✓		✓	
E.4.4	Vai trò và trách nhiệm của chủ tịch cổ được công bố công khai?	✓		✓	
E.4.6	Công ty có công bố chính sách đa dạng về thành viên HĐQT?				
E.5.1	Công ty có chương trình định hướng cho thành viên HĐQT mới?				
E.5.2	Công ty có chính sách khuyến khích thành viên HĐQT tham gia các chương trình đào tạo liên tục hay đào tạo chuyên môn?				
B.1.1(B)	Công ty có ra thông báo về ĐHDCĐ (có chương trình chi tiết và thông báo giải thích), như thông báo cho Sở Giao dịch, tối thiểu 28 ngày trước ngày họp?				
D.1.1(B)	Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán có được công bố công khai trong vòng 60 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính?				
A.1.1(P)	Công ty không hoặc sơ suất không đối xử công bằng đối với việc mua lại cổ phần đối với tất cả các cổ đông?				
A.2.1(P)	Có bằng chứng gì về rào cản đối với việc cổ đông không được trao đổi thông tin hoặc tham khảo ý kiến các cổ đông khác?				

VII. Đánh giá tình hình quản trị công ty dựa trên thể điểm quản trị công ty khu vực ASEAN

		Công ty có chính sách này (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Chính sách được thực hiện (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố (Đánh dấu ✓ nếu Có)	Việc thực hiện được công bố bằng tiếng Anh (Đánh dấu ✓ nếu Có)
A.3.1(P)	Công ty có đưa nội dung bổ sung và không được thông báo trước trong chương trình nghị sự vào thông báo ĐHĐCĐ/ĐHĐCĐ bất thường?	✓	✓		
A.4.1(P)	Thỏa thuận cổ đông?				
A.4.2(P)	Giới hạn biểu quyết?				
A.4.3(P)	Cổ phiếu nhiều quyền biểu quyết?	✓	✓		
B.1.1(P)	Công ty có bị kết luận vi phạm nào về giao dịch nội gián liên quan đến thành viên HĐQT, ban điều hành và nhân viên công ty trong ba năm qua?				
B.2.1(P)	Có trường hợp nào không tuân thủ luật pháp, quy tắc và quy định liên quan đến giao dịch bên liên quan đáng kể hoặc trọng yếu trong ba năm qua?				
C.1.1(P)	Có vi phạm luật pháp nào về lao động/ việc làm/ người tiêu dùng/ phá sản/ thương mại/ cạnh tranh/ môi trường?				
C.2.1(P)	Công ty có phải chịu bất kỳ hình phạt nào của cơ quan quản lý liên quan đến các vấn đề lao động/ nhân sự/ khách hàng/ nợ nần/ thương mại/ cạnh tranh/ các vấn đề môi trường?				
D.1.1(P)	Công ty có nhận được "ý kiến loại trừ" trong báo cáo kiểm toán độc lập?				
D.1.2(P)	Công ty có nhận được "ý kiến bất lợi" trong báo cáo kiểm toán độc lập?				
D.1.3(P)	Công ty có nhận được "từ chối đưa ra ý kiến" trong báo cáo kiểm toán độc lập?				
D.1.4(P)	Công ty có sửa đổi Báo cáo Tài chính trong năm vừa qua vì những lý do khác với thay đổi trong chính sách kế toán?				
E.1.1(P)	Có bằng chứng gì là công ty đã không tuân thủ quy tắc và quy định nào về niêm yết trong năm qua ngoài các quy định về công bố thông tin?				
E.1.2(P)	Có trường hợp nào mà thành viên HĐQT không điều hành đã từ nhiệm và nêu ra bất kỳ lo ngại nào liên quan đến quản trị?				
E.2.2(P)	Công ty đã không xác định rõ ai là thành viên HĐQT độc lập?				
E.3.1(P)	(Trong hai năm qua) Có thành viên HĐQT hay lãnh đạo điều hành cấp cao nào từng là nhân viên hoặc thành viên hợp danh của công ty kiểm toán độc lập hiện tại?				





Phát triển bền vững

- I. Định hướng phát triển bền vững của PLP
- II. Các số liệu liên quan đến định hướng phát triển bền vững của PLP



1. Định hướng phát triển bền vững của PLP

1. VỀ MÔI TRƯỜNG

Với phương châm duy trì sản xuất kinh doanh, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật về công tác đảm bảo an toàn, sức khỏe và bảo vệ môi trường, Công ty luôn cam kết bảo vệ môi trường đồng thời tích cực hưởng ứng và tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu về môi trường. Cụ thể, Công ty đã và đang triển khai - sử dụng công nghệ tiên tiến bậc nhất trong việc sản xuất các sản phẩm, nhằm sử dụng hiệu quả nhất các nguyên liệu đầu vào:

+ Xây dựng, ban hành và tuân thủ các quy chế, quy trình, quy định trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Áp dụng và duy trì có hiệu quả hệ thống quản lý Chất lượng - An toàn sức khỏe - Môi trường – Năng lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001-2015; ISO 14001-2015;

+ Kết hợp chặt chẽ giữa đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ với hệ thống xử lý chất thải;

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục và nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cán bộ công nhân viên PLP;



1. Định hướng phát triển bền vững của PLP



2. VỀ XÃ HỘI

- + Các hoạt động tập huấn, đào tạo được tổ chức hàng năm nhằm trang bị đầy đủ kiến thức về an toàn lao động cho nhân viên, giúp nhân viên tăng cường nghiệp vụ và ý thức về công tác an toàn;
- + Sử dụng các nguồn tài nguyên hợp lý kết hợp với bảo vệ môi trường;
- + Tham gia công tác quản lý, chăm lo đời sống, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.



II. Các số liệu liên quan đến định hướng phát triển bền vững của PLP

1. THỐNG KÊ SỐ LIỆU THEO TIÊU CHUẨN MÔI TRƯỜNG (GRI 300)

- GRI 301: Vật liệu**

STT	Sản phẩm / Dịch vụ	Vật liệu thô dùng trong Sản phẩm/Dịch vụ	Tổng khối lượng/ trọng lượng	ĐVT	Nhà cung cấp		
					Bên ngoài	Nội bộ	
1	Filler masterbatch	Hạt nhựa LLDPE 7050	247,50	Tấn	1. Công ty Tổng hợp SX&TM An Thành 2. Công ty TNHH XNK Phú Lâm 3. Công Ty TNHH ĐT & PT TM Quốc Đạt 4. Công ty CP nhựa Opec 5. Công ty CP Hóa chất Nhựa Đà Nẵng 6. Công Ty Cổ Phần Nhựa Sông Hồng 7. Công ty Brenntag Việt Nam BRENNTAG VIETNAM CO., LTD 8. Công ty TNHH Tuấn Tsuki Việt Nam 9. Công Ty Cổ Phần Hóa Chất Thăng Long 10. Công ty Y&M International trading Company 11. Fine source limited Ltd 12. Vinomig Ltd		
2		Hạt nhựa LLDPE 3470	591,25	Tấn			
3		Hạt nhựa PP 1102K	1,10	Tấn			
4		Pe wax	342,73	Tấn			
5		APP	17,03	Tấn			
6		Kẽm	124,00	Tấn		1. MLA INDUSTRY, TEPE KIMYA EUROPE LTD	
7		Axit	183,00	Tấn		1. Công ty Wilmar VN 2. Công ty CP Hóa chất Hải Phòng 3. Công ty Phú Lâm 4. Công ty Senchem - đại diện thương mại của Dua Kuta - Indo	
8		Dầu	297.779,00	Lít		1. JC COM CO.,LTD MICHANG OIL	
9		Vỏ bao PE trắng sứ	543.236,000	Cái			
10		Túi hút ẩm 250gr	165,00	Tấn			
11		Pallet 2 hướng		Tấn			
12		Pallet 4 hướng	6.123,00	Tấn			
13		Tem 90x55mm	370,00	Tấn			

II. Các số liệu liên quan đến định hướng phát triển bền vững của PLP

STT	Sản phẩm/ Dịch vụ	Vật liệu thô dùng trong Sản phẩm/Dịch vụ	Tổng khối lượng/ trọng lượng	ĐVT	Nhà cung cấp	
					Bên ngoài	Nội bộ
14	Filler masterbatch	Bìa carton 105x105	23.316,00	Tấn		
15		Chỉ khâu bao	0,41	Tấn		
16		Màng quấn	41.414,20	Cuộn		
17	Đá		40.927,00	Tấn		X
18	Bột đá		18.480,00	Tấn		X

- GRI 302: Năng lượng**

- **Năng lượng tiêu thụ trực tiếp:**

Tổng năng lượng sử dụng phân loại theo từng nguồn	2016	2017
Chi phí điện năng (đồng)	2.628.869.000	7.422.146.000

- **Năng lượng tiêu thụ gián tiếp:**

Loại hoạt động	Đơn vị tính	Giá trị tiền
Chi phí điện văn phòng Hà Nội năm 2017	VNĐ	85.773.971



II. Các số liệu liên quan đến định hướng phát triển bền vững của PLP

- Năng lượng tiết kiệm thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

STT	Sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả	Địa điểm hoạt động
1	Năm 2017, Công ty dự tính thay đổi công nghệ, nhập khẩu máy sử dụng trong sản xuất, các dòng máy hiện đại mang lại năng suất cao, tiết kiệm điện năng	Hoạt động tại Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa khu công nghiệp MP-Đình Vũ
2	Những thay đổi trong hoạt động: Đối với nhà máy sản xuất, công ty đã thực hiện kế hoạch sản xuất để tiết kiệm điện theo hướng thực hiện 3 ca sản xuất, làm việc ca đêm để sử dụng điện năng hiệu quả và ổn định nhất.	Hoạt động tại Nhà máy sản xuất bột đá siêu mịn và phụ gia ngành nhựa khu công nghiệp MP-Đình Vũ
3	- Thay đổi hành vi người lao động: Công ty kêu gọi tất cả cán bộ nhân viên của công ty thực hiện tiết kiệm điện năng hiệu quả.	- Nhà máy Hải Phòng
4	- Tại nhà máy: Giảm thiểu số lượng đèn chiếu sáng không cần thiết.	- Chi nhánh Nghệ An
	Tại khu làm việc văn phòng: Yêu cầu toàn bộ cán bộ nhân viên thực hiện nghiêm túc chính sách tiết kiệm điện, máy tính, thiết bị văn phòng, khi không sử dụng.	- Văn phòng Hà Nội



II. Các số liệu liên quan đến định hướng phát triển bền vững của PLP

- GRI 303: Nước**

- Nguồn cung cấp nước:

Các nguồn nước	Tổng lượng nước thu về/ đạt được (DVT: m ³)	Chi phí năm 2017 (VNĐ)
Nước sạch khu công nghiệp	19.981	325.690.365

- Lượng nước sử dụng:

STT	Loại hoạt động	Lượng nước tiêu thụ (m ³)
1	Phục vụ cho sản xuất	17.983
2	Phục vụ cho sinh hoạt tại Nhà máy	1.998
Tổng cộng		19.981

- Lượng nước được tái chế sử dụng:

Chỉ tiêu	Con số thống kê
Chi phí xử lý nước thải	6.000 VNĐ/m ³
Lượng nước cần xử lý thải	15.000 m ³
Thành tiền	90.000.000 VNĐ

II. Các số liệu liên quan đến định hướng phát triển bền vững của PLP

2. THỐNG KÊ SỐ LIỆU THEO TIÊU CHUẨN XÃ HỘI (GRI 400)

Các tiêu chuẩn GRI đang được PLP chú trọng trong mảng xã hội bao gồm:

- GRI 401: Việc làm
- GRI 404: Giáo dục và Đào tạo
- GRI 405: Sự đa dạng và cơ hội bình đẳng

Các tiêu chuẩn trên được thể hiện qua số lượng lao động, mức lương và giờ đào tạo trung bình của Nhựa Pha Lê trong năm 2017:

Cơ cấu lao động của công ty

STT	Trình độ	Số người	Tỷ lệ
1	Trên đại học	5	1%
2	Trình độ đại học và tương đương	35	10%
3	Trình độ cao đẳng, trung cấp	50	14%
4	Trình độ khác	260	75%
	Tổng cộng	350	100,00

Nguồn: Nhựa Pha Lê

Thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
Số lao động bình quân (người)	280	350	350
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	6.500.000	7.000.000	8.000.000

Nguồn: Nhựa Pha Lê



Báo cáo tài chính

- I. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- II. Báo cáo kiểm toán độc lập
- III. Bảng cân đối kế toán
- IV. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- V. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê ("Công ty") tại ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Kiểm toán

Các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) kiểm toán.

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Thành viên	
Ông Mai Thanh Phương	Chủ tịch	
Ông Dương Quang Thắng	Phó Chủ tịch	
Ông Đặng Tiến Thành	Thành viên	
Ông Nguyễn Hồ Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Thạc Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

Ban Tổng Giám đốc	Thành viên	
Ông Dương Quang Thắng	Tổng Giám đốc	
Bà Trần Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 9 tháng 6 năm 2017

Ban Kiểm soát		
Vũ Ngọc Thúy	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 9 năm 2017
Trần Thị Thanh Thủy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2017

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các báo cáo tài chính đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Khi lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Áp dụng chính sách kế toán thích hợp với các ước tính và xét đoán thận trọng, hợp lý và được áp dụng thống nhất;
- Tuân thủ với các yêu cầu công bố thông tin theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Duy trì đầy đủ các ghi chép kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp giả định về việc Công ty tiếp tục hoạt động liên tục trong tương lai gần không còn phù hợp; và
- Kiểm soát và điều hành Công ty hiệu quả thông qua các quyết định trọng yếu có ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh, kết quả hoạt động và các đánh giá mà những quyết định và/hoặc hướng dẫn này đã được phản ánh trên các báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn tài sản của Công ty, do vậy có những bước thích hợp để phòng ngừa và phát hiện gian lận và các điều bất thường.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty tuân thủ theo các quy định trên trong việc trình bày các báo cáo tài chính.

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ, cùng với các thuyết minh đính kèm, đã được lập đúng đắn và trình bày trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Mai Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

về báo cáo tài chính của

Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê ("Công ty"), lập vào ngày 20 tháng 3 năm 2018, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, cùng với tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu và các thông tin giải trình khác, như được trình bày từ trang 5 đến trang 27.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với các báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá các rủi ro có sai sót trọng yếu trên báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng, tính hợp lý của các ước tính kế toán thực hiện của Ban Giám đốc cũng như việc đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất và Công nghệ Nhựa Pha Lê tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân theo các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH GRANT THORNTON (VIỆT NAM)



Nguyễn Chí Trung
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số 0255-2018-068-1
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hồng Hà
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1710-2018-068-1
Kiểm toán viên

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VND	31 tháng 12 năm 2016 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn		110	231.820.338.421	95.010.102.558
Tiền	5	111	16.822.550.222	388.991.733
Tiền và các khoản tương đương tiền		100	16.822.550.222	388.991.733
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120	16.820.000.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6	123	16.820.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn		130	87.928.219.521	48.909.359.078
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	131	65.421.597.503	30.734.596.536
Trả trước cho người bán ngắn hạn	8	132	21.434.923.070	6.543.143.378
Phải thu ngắn hạn khác	9	136	1.071.698.948	11.631.619.164
Hàng tồn kho	10	140	100.979.824.366	40.062.165.655
Hàng tồn kho		141	100.979.824.366	40.062.165.655
Tài sản ngắn hạn khác		150	9.269.744.312	5.649.586.092
Chi phí trả trước ngắn hạn	11	151	815.182.719	452.514.948
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152	8.454.561.593	5.197.071.144
Tài sản dài hạn		200	183.619.826.215	162.609.051.479
Tài sản cố định		220	124.634.602.556	119.738.749.955
Tài sản cố định hữu hình	12	221	110.318.326.657	105.046.554.340
- Nguyên giá		222	131.850.032.510	117.672.859.096
- Giá trị hao mòn lũy kế		223	(21.531.705.853)	(12.626.304.756)
Tài sản cố định vô hình	13	227	14.316.275.899	14.692.195.615
- Nguyên giá		228	15.036.788.688	15.036.788.688
- Giá trị hao mòn lũy kế		229	(720.512.789)	(344.593.073)
Tài sản dở dang dài hạn		240	13.430.000.000	6.774.900.000
Chi phí xây dựng cơ bản dài hạn	14	242	13.430.000.000	6.774.900.000
Tài sản dài hạn khác		260	45.555.223.659	36.095.401.524
Chi phí trả trước dài hạn	11	261	17.055.223.659	12.095.401.524
Tài sản dài hạn khác	15	268	28.500.000.000	24.000.000.000
Tổng tài sản		270	415.440.164.636	257.619.154.037

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp)

	Thuyết minh	Mã số	31 tháng 12 năm 2017 VNĐ	31 tháng 12 năm 2016 VNĐ
NGUỒN VỐN				
Nợ phải trả		300	211.816.255.988	148.698.728.611
Nợ ngắn hạn		310	163.036.222.418	88.809.857.590
Phải trả người bán ngắn hạn	16	311	16.600.947.116	13.600.118.514
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		312	1.646.016.619	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	313	486.908.983	1.655.719.769
Chi phí phải trả ngắn hạn		315	846.148.286	759.122.074
Phải trả ngắn hạn khác		319	98.528.169	51.173.483
Vay ngắn hạn	18	320	143.357.673.245	72.743.723.750
Nợ dài hạn		310	48.780.033.570	59.888.871.021
Vay dài hạn	18	311	48.780.033.570	59.888.871.021
Nguồn vốn chủ sở hữu		400	203.623.908.648	108.920.425.426
Vốn chủ sở hữu	19	410	203.623.908.648	108.920.425.426
Vốn cổ phần	19,20	411	150.000.000.000	100.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối		421	53.623.908.648	8.920.425.426
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		421a	1.899.569.192	1.332.076.636
- LNST chưa phân phối năm nay		421b	51.724.339.456	7.588.348.790
Tổng nguồn vốn		440	415.440.164.636	257.619.154.037

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018



Chu Thị Hiền
Người lập biểu



Trịnh Thị Bội Giao
Kế toán trưởng




Mai Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	01	314.065.840.952	134.223.323.593
Các khoản giảm trừ doanh thu	23	02	-	(5.803.270.442)
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		10	314.065.840.952	128.420.053.151
Giá vốn hàng bán	24,29	11	(219.537.367.455)	(107.607.509.664)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		20	94.528.473.497	20.812.543.487
Doanh thu hoạt động tài chính	25	21	855.009.332	1.689.502.514
Chi phí hoạt động tài chính	26	22	(16.696.805.234)	(5.839.570.743)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			(16.430.375.106)	(5.523.770.801)
Chi phí bán hàng	27,29	25	(20.349.380.682)	(4.040.776.818)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	28,29	26	(6.467.551.248)	(4.494.284.727)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30	51.869.745.665	8.127.413.711
Thu nhập khác		31	16.273.657	6.637.318
Chi phí khác		32	(161.679.866)	(94.414.243)
Lỗ khác		40	(145.406.209)	(87.776.925)
Lợi nhuận kế toán trước thuế		50	51.724.339.456	8.039.636.781
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30	51	-	(377.721.538)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		52	-	(73.566.460)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19	60	51.724.339.456	7.588.348.791
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	21	70	3.970	75.883
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	21	71	3.970	758,83

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018


Chu Thị Hiền
Người lập biểu


Trịnh Thị Bội Giao
Kế toán trưởng




Mai Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(phương pháp trực tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	Thuyết minh	Mã số	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 VND	Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		01	303.137.426.266	116.909.778.467
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ		02	(344.909.785.129)	(106.305.493.467)
Tiền chi trả cho người lao động		03	(5.553.111.970)	(3.929.001.850)
Tiền lãi vay đã trả		04	(16.971.444.168)	(3.663.147.073)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		05	(310.200.560)	(444.728.350)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		06	52.482.040.767	19.873.013.808
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		07	(27.446.328.146)	(3.706.758.063)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	(39.571.402.940)	18.733.663.472
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản dở dang		21	(25.177.173.414)	(69.327.382.167)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		23	(16.820.000.000)	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		25	(4.500.000.000)	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		27	-	3.157.614.969
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(46.497.173.414)	(66.169.767.198)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		31	50.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay		33	237.629.868.247	152.870.922.188
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn		34	(178.127.733.404)	(113.927.121.106)
Tiền chi trả cổ tức		36	(7.000.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		40	102.502.134.843	38.943.801.082
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		50	16.433.558.489	(8.492.302.644)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	5	60	388.991.733	8.881.281.481
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		61	-	12.896
Tiền và tương đương tiền cuối năm	5	70	16.822.550.222	388.991.733

Hải Phòng, Việt Nam
Ngày 20 tháng 3 năm 2018


Chu Thị Hiền
Người lập biểu


Trịnh Thị Bội Giao
Kế toán trưởng



Mai Thanh Phương
Chủ tịch Hội đồng Quản trị